

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VÕ THỊ MỘNG TRINH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

VÕ THỊ MỘNG TRINH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG**

**Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số: 60.38.01.02**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN THỊ VIỆT HƯƠNG**

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Võ Thị Mộng Trinh, học viên lớp Cao học Luật khóa VI, chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Học Viện Khoa học xã hội. Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện với sự hướng dẫn của PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương. Những thông tin tôi đưa ra trong luận văn là trung thực, có xuất xứ rõ ràng. Những phân tích, kiến nghị được tôi đề xuất dựa trên quá trình tìm hiểu, nghiên cứu của chính tác giả luận văn

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Võ Thị Mộng Trinh

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên tôi xin trân trọng cảm ơn PGS. TS Nguyễn Thị Việt Hương đã giúp đỡ và hướng dẫn tôi về mọi mặt để tôi hoàn thành bản luận văn này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám đốc Học viện Khoa học xã hội đã tận tình giảng dạy, giúp đỡ tôi trong thời gian qua để tôi có được kết quả học tập của khóa học.

Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, cán bộ, công chức các đồng nghiệp tại Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi để tôi có thể hoàn thành việc nghiên cứu luận văn đúng tiến độ.

Cảm ơn gia đình, bạn bè, các anh chị em học viên cùng khóa đã động viên, chia sẻ, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và thực hiện luận văn.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Võ Thị Mộng Trinh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT.....	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật.....	7
1.2. Nội dung quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật	15
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật.....	29
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TẠI TỈNH TIỀN GIANG	36
2.1. Đặc điểm địa lý - dân cư, tình hình kinh tế - xã hội tại tỉnh Tiền Giang tác động đến quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật	36
2.2. Thực tiễn quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật.....	41
2.3. Đánh giá chung về quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật.....	51
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG.....	59
3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật.....	59
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang.....	63
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	75

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HĐND	: Hội đồng nhân dân
PBGDPL	: Phổ biến, giáo dục pháp luật
QLNN	: Quản lý nhà nước
QPPL	: Quy phạm pháp luật
UBND	: Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua cùng với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, coi đó là một bộ phận không thể tách rời của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp uỷ Đảng. Quan điểm đó đã được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc. Đặc biệt Đại hội IX đã ban hành Chỉ thị 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư xác định “công tác PBGDPL là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Quốc hội đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, lần đầu tiên nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật được đề cập chính thức bằng một điều luật. Từ đó đến nay, để thực hiện chức năng quản lý, Nhà nước ta đã tổ chức triển khai thực hiện bằng nhiều hoạt động như: ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, thực hiện thanh tra, kiểm tra để góp phần đưa các chủ trương, chính sách pháp luật đến với mọi tầng lớp Nhân dân. Điều này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai các hoạt động, đặc biệt là các hoạt động phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và các tầng lớp Nhân dân.

Trong hoạt động quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, vai trò của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là rất quan trọng, đây là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất ở địa phương, là nơi tiếp thu và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách pháp luật của Trung ương vào điều kiện địa phương. Trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm. Các hoạt động quản lý nhà

nước về phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai đồng bộ, dần dần đi vào nề nếp thể hiện bằng các văn bản quy phạm, chương trình, kế hoạch cụ thể với nhiều hình thức, biện pháp thực hiện phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện của địa bàn thực hiện. Hoạt động quản lý nhà nước bước đầu mang lại hiệu quả, là cơ sở để tổ chức triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật hình thành dần thói quen “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” trong cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh, góp phần đưa pháp luật vào đời sống xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật cũng còn những bất cập, hạn chế, hiệu quả chưa cao. Hệ thống văn bản tuy nhiều nhưng việc triển khai hiệu quả chưa cao, việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đi vào chiều sâu, đôi khi còn mang tính hình thức, công tác thanh tra, kiểm tra về phổ biến, giáo dục pháp luật chưa bám sát vào các yêu cầu, nhiệm vụ quản lý.

Kinh phí đầu tư cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu nhằm tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, chỉ ra những ưu điểm, nhận diện những bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước của UBND tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật và đề xuất những giải pháp đáp ứng yêu cầu đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước của UBND tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung vẫn là vấn đề rất cần thiết. Xuất phát từ những lý do nêu trên, học viên chọn Đề tài “*Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang*” để làm luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đến thời điểm hiện tại, vấn đề nghiên cứu quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật nói riêng đang được các cấp, các ngành

quan tâm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh là hết sức cần thiết.

- Các công trình, bài viết liên quan đến vấn đề này như:

+ Nguyễn Tất Viễn (2006) “*Ng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật*”;

+ Trần Thị Sáu (2008) “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật*” tạp chí nghiên cứu lập pháp;

+ Luận án tiến sĩ (2016) “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, Việt Nam*” tác giả Dương Thành Trung;

+ Bộ Tư pháp (2010), “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*” đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.

- Dưới hình thức đề tài Thạc sĩ có các đề tài:

+ Đề tài thạc sĩ (2012) “*Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*” tác giả Võ Thúy Hạnh;

+ Đề tài thạc sĩ (2012) “*Hoạt động phổ biến pháp luật trong cộng đồng dân cư từ thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội*” tác giả Nguyễn Minh Thanh.

+ Đề tài thạc sĩ (2013) “*Phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*” tác giả Nguyễn Thị Thúy Hằng;

+ Đề tài thạc sĩ (2015) “*Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp về công tác phổ biến giáo dục pháp luật*” tác giả Nguyễn Tấn Phong.

Như vậy, các công trình nghiên cứu nói trên chỉ nói về quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; về nội dung, hình thức, kỹ năng thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật và đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật. Các công trình nghiên cứu trên chưa đi sâu làm rõ vị trí, vai trò của Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ quản lý tại địa phương, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật. Vì vậy, luận văn này hướng tới mục đích làm rõ thêm về cơ sở lý luận, thực tiễn và thực trạng quản lý nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang, từ đó phát hiện

những khó khăn, vướng mắc, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật là một vấn đề cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Mục đích tổng quát của luận văn là xây dựng các luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Đánh giá thực trạng pháp luật về quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Mô tả, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật. Làm rõ nguyên nhân những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang.
- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật và thực trạng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang từ góc độ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Luận văn nghiên cứu các hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang, bao gồm công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Thống kê, tổng kết về phổ biến, giáo dục pháp luật; Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phổ biến, giáo dục pháp luật; Hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Phạm vi thời gian: Luận văn đề cập đến các nội dung quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang.

- Phạm vi thời gian: trong 05 năm gần đây (2011-2016).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu trên cơ sở lý luận được thực hiện dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu phổ biến hiện nay: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, quan sát thực tế.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích được sử dụng để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật cũng như thực tiễn liên quan đến quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật.

- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh các tài liệu, báo cáo chuyên môn của chính quyền địa phương và phương pháp quan sát thực tế được sử dụng để đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến giáo dục pháp luật trong những năm gần đây, chỉ ra nguyên nhân và đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm phát huy vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý trong cơ chế quản lý nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu đầu tiên khảo sát, đánh giá toàn diện thực trạng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật trong những năm gần đây. Luận văn góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, hạn chế những bất cập trong quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Luận văn có thể được sử dụng là nguồn tài liệu tham khảo trong hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động đào tạo tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật học.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia thành 03 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang

Chương 3. Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

1.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

Quản lý là thuật ngữ được sử dụng khá phổ biến hiện nay và là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, trong đó có cả tự nhiên và xã hội. Mỗi ngành khoa học nghiên cứu quản lý từ những góc độ riêng và đưa ra những định nghĩa về quản lý cũng khác nhau. Tuy nhiên, quan niệm chung về quản lý do điều khiển học mà ra; theo đó, “*quản lý là sự tác động định hướng bất kỳ lên một hệ thống nào đó nhằm trật tự hóa nó và hướng nó phát triển phù hợp với những quy luật nhất định*” [40, tr. 11].

Hoạt động quản lý có nhiều loại: trong đó QLNN là một dạng của quản lý xã hội. QLNN được hiểu theo hai phạm vi:

Theo nghĩa rộng: QLNN được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, công dân thực hiện nếu được nhà nước ủy quyền. Chủ thể của QLNN theo nghĩa rộng là tất cả các cơ quan Nhà nước của bộ máy nhà nước, tức là cả ba hệ thống cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Theo nghĩa hẹp: QLNN là hoạt động quản lý do các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện mà đứng đầu là Chính phủ (theo Hiến pháp 2013) và các cơ quan phát sinh từ chúng, các cơ quan, tổ chức trực thuộc [41, tr. 20]. Chủ tịch nước cũng có thể coi là chủ thể QLNN theo nghĩa hẹp.

Thuật ngữ QLNN được sử dụng trong Luận văn này là QLNN theo nghĩa hẹp. Và theo nghĩa này thì trong QLNN có chủ thể quản lý và khách thể quản lý riêng của nó. Bản chất của QLNN là *hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan nhà nước*. Hoạt động chấp hành và điều hành của nhà nước, là một loại hoạt

động cơ bản chủ yếu được giao cho các cơ quan hành chính nhà nước và bộ máy trực thuộc thực hiện.

Hiện nay, trong luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành không đưa ra giải thích từ ngữ hay khái niệm PBGDPL. Tuy nhiên, trong các tài liệu khoa học pháp lý đa số tác giả coi PBGDPL là một từ ghép giữa hai cụm từ “phổ biến pháp luật” và “giáo dục pháp luật”.

Phổ biến pháp luật: Theo từ điển Tiếng Việt (NXB Đà Nẵng năm 1997) hay Từ và ngữ Hán Việt (NXB Từ điển Bách Khoa - 2002) thì “Phổ biến là làm cho đông đảo mọi người biết đến một vấn đề, một tri thức bằng cách truyền đạt trực tiếp hay thông qua hình thức nào đó hoặc làm cho mọi người đều biết đến” [18, tr .3].

Ở những mức độ khác nhau, phổ biến pháp luật nhằm làm cho các đối tượng cụ thể hiểu thông suốt các quy định của pháp luật để thực hiện pháp luật trên thực tế. Phổ biến pháp luật thường được thực hiện thông qua các hội nghị, các cuộc tập huấn. Phổ biến pháp luật có đối tượng tác động rộng rãi, mang ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc, cũng đã có lúc pháp luật được ban hành nhưng không được phổ biến công khai mà chỉ được coi là một công cụ Nhà nước dùng để trị dân. Đồng thời, phổ biến pháp luật còn mang tính truyền đạt, tác nghiệp nội dung pháp luật cho các đối tượng cụ thể.

Giáo dục pháp luật: Theo Từ điển Từ và ngữ Hán - Việt “Giáo dục là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm bồi dưỡng cho con người những phẩm chất đạo đức và những tri thức cần thiết để người ta có khả năng tham gia mọi mặt của đời sống xã hội” [18, tr .4].

Giáo dục pháp luật là một khái niệm rộng bao gồm cả quá trình nâng cao tri thức pháp luật cho đối tượng và bằng mọi cách như: thuyết phục, nêu gương, ám thị. Hình thành tình cảm, niềm tin pháp luật cho đối tượng, từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của đối tượng.

Từ phân tích trên, có thể thấy hai khái niệm phổ biến pháp luật và giáo dục pháp luật có mối quan hệ mật thiết với nhau. “So với phổ biến pháp luật thì giáo dục pháp luật cũng nhằm nâng cao nhận thức, tình cảm song nội dung rộng hơn,

phương thức tiến hành chặt chẽ hơn, đối tượng xác định hơn, mục đích lớn hơn. Xét dưới góc độ nhất định thì phổ biến chính là các phương thức giáo dục cụ thể” [18, tr. 3].

Như vậy, khái niệm PBGDPL thường được nhìn nhận trên hai khía cạnh:

Hiểu theo nghĩa hẹp: “PBGDPL là truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp cho đối tượng tác động hiểu và hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm, hành vi phù hợp với các đòi hỏi của các quy định pháp luật hiện hành” [18, tr. 4]. Như vậy, ở khía cạnh hẹp, PBGDPL có thể xem là một quá trình tác động trực tiếp của chủ thể vào đối tượng, nhằm truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp đối tượng hiểu và thực hiện.

Hiểu theo nghĩa rộng: PBGDPL là một khâu của hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật, là công tác, lĩnh vực hoạt động, bao gồm tất cả các công đoạn phục vụ cho việc thực hiện PBGDPL như: Xây dựng chương trình, kế hoạch PBGDPL; triển khai chương trình, kế hoạch PBGDPL thông qua việc áp dụng các hình thức, biện pháp PBGDPL; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch PBGDPL, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ lý luận về PBGDPL. Ở góc độ rộng, PBGDPL là một hoạt động, một quá trình có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến đối tượng tác động, nhưng hoạt động đó cuối cùng nhằm tạo ra một quy trình hoàn chỉnh để chủ thể thực hiện công tác PBGDPL tác động vào đối tượng nhằm đạt được mục đích cụ thể.

Từ việc phân tích các đặc trưng của QLNN và khái niệm PBGDPL, có thể đi tới khái niệm QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL như sau: *QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL là hoạt động chấp hành và điều hành của UBND tỉnh được tiến hành trên cơ sở và để thi hành pháp luật, tác động tới công tác PBGDPL nhằm giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật cho mọi người thuộc phạm vi quản lý của địa phương.*

1.1.2. Đặc điểm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

QLNN là hoạt động chấp hành và điều hành Nhà nước, có những đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, QLNN mang tính quyền lực đặc biệt, tính tổ chức rất cao, tính mệnh lệnh đơn phương của Nhà nước. Quyền lực Nhà nước được ghi nhận và được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước. Trong hoạt động QLNN, dù là hoạt động của cơ quan nhà nước hay cá nhân nhân danh nhà nước đều phải dựa trên quyền lực được nhà nước giao và đối tượng được quản lý phải có nghĩa vụ chấp hành. Nếu làm trái, phải bị truy cứu trách nhiệm và bị xử lý theo pháp luật một cách nghiêm minh, bình đẳng.

Thứ hai, QLNN là hoạt động mang tính tổ chức điều hành, điều chỉnh, nó chính là việc xây dựng và điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người với con người nhằm thực hiện những mục đích nhất định, nó cũng là hoạt động điều chỉnh các quan hệ xã hội và điều chỉnh các quan hệ ấy. Quản lý thực chất là tổ chức về mặt thực tiễn.

Thứ ba, QLNN cũng như các hoạt động nhà nước khác, trong bất kỳ nhà nước nào cũng mang tính chính trị rõ rệt, bởi vì Nhà nước là tổ chức chính trị thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và ý chí đó được thấm nhuần trong cuộc sống, QLNN là một hình thức thực hiện ý chí đó nhằm thực hiện nhiệm vụ của giai cấp thống trị nhưng khi giải quyết những vấn đề đều phải luôn tính đến việc phục vụ cho mục tiêu chính trị đề ra.

Thứ tư, tổ chức và hoạt động QLNN phải đảm bảo tính liên tục ổn định và kịp thời do các quan hệ xã hội diễn ra liên tục trong thực tiễn khách quan nên đòi hỏi tất yếu phải có sự tổ chức, chỉ đạo sát sao của chủ thể quản lý. Nhà nước có nghĩa vụ phục vụ nhân dân, đây là công việc thường xuyên, hàng ngày nên QLNN về công chức hành chính phải đảm bảo tính liên tục và phải ổn định để bảo đảm hoạt động không bị gián đoạn trong bất kỳ tình huống chính trị - xã hội nào. Các quyết định QLNN phải tương đối ổn định, tránh sự thay đổi quá nhanh dẫn đến hiệu quả quản lý không cao.

Thứ năm, QLNN là hoạt động mang tính khoa học, chủ động trong việc điều hành, phối hợp thực hiện theo chương trình, mục tiêu, chiến lược và kế hoạch đã định, Hoạt động QLNN là hoạt động mang tính sáng tạo, nó luôn đòi hỏi chủ thể

quản lý phải tìm ra những phương thức, biện pháp để quản lý có hiệu quả, có chỉ tiêu định hướng chủ yếu, có biện pháp cân đối để thực hiện các chỉ tiêu ấy nhằm hoàn thành có hiệu quả các chương trình, mục tiêu chiến lược của nhà nước và theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

QLNN không những thể hiện ở các đặc điểm trên, mà còn có những đặc điểm khác của QLNN như: tính chuyên nghiệp, tính tổng hợp, tính dân chủ ...

Do đó, dù nghiên cứu QLNN ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều xuất phát từ đặc điểm của QLNN. QLNN là một hoạt động diễn ra trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Từ đó mới có thể phân biệt giữa hoạt động QLNN với các hoạt động quản lý khác của Nhà nước và hoạt động quản lý xã hội của các chủ thể khác.

Ngoài những đặc điểm chung của QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL còn có những đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL là việc thực hiện các hoạt động chấp hành và điều hành, đó là sự cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương và chỉ đạo, tổ chức triển khai ở địa phương, nhằm mục tiêu đảm bảo cho các hoạt động PBGDPL được diễn ra theo trật tự chung, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và mọi công dân trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò của pháp luật. Đồng thời, đây là hình thức thể hiện sự quyết tâm của Nhà nước trong việc công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách của Nhà nước thông qua hoạt động PBGDPL, để mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đều có quyền và được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận thông tin về chính sách và pháp luật.

Thứ hai, QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL có liên hệ mật thiết với hoạt động QLNN trong các lĩnh vực khác, đồng thời đó còn là cơ sở, tiền đề quan trọng để thực hiện QLNN trong các lĩnh vực khác, vì pháp luật là cơ sở để các hoạt động quản lý khác tổ chức thực hiện, mục đích của các hoạt động quản lý là góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ chung của địa phương.

Thứ ba, khác với đối tượng chịu sự QLNN trong các lĩnh vực khác chỉ bao gồm một lĩnh vực nhất định, đối tượng QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL rộng và đa dạng bao gồm nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên quan trực tiếp đến mọi tổ chức và cá nhân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật nên mọi ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, không ai được vượt qua ngoài khuôn khổ của pháp luật.

Thứ tư, phương pháp QLNN về PBGDPL được kết hợp giữa tổ chức hành chính với giáo dục thuyết phục. Trong đó phương pháp giáo dục thuyết phục là chủ yếu. Khoản 1, Điều 2 Luật PBGDPL năm 2012 quy định “Công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật” [26, tr. 7]. Tương ứng với quyền công dân thì Nhà nước phải có nghĩa vụ thông tin về pháp luật để bảo đảm quyền của công dân được đảm bảo thực hiện, Nhà nước sử dụng nhiều cách thức để tuyên truyền, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cho Nhân dân, thuyết phục Nhân dân chấp hành pháp luật, nhưng không bắt buộc Nhân dân phải thuộc, phải hiểu biết hết tất cả những gì Nhà nước thông tin, chỉ khi công dân không chấp hành hay thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì mới bị chế tài của Nhà nước. Ngược lại, công dân phải có trách nhiệm chủ động, tìm hiểu pháp luật, nếu vi phạm pháp luật sẽ chịu chế tài của Nhà nước.

1.1.3. Vai trò quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

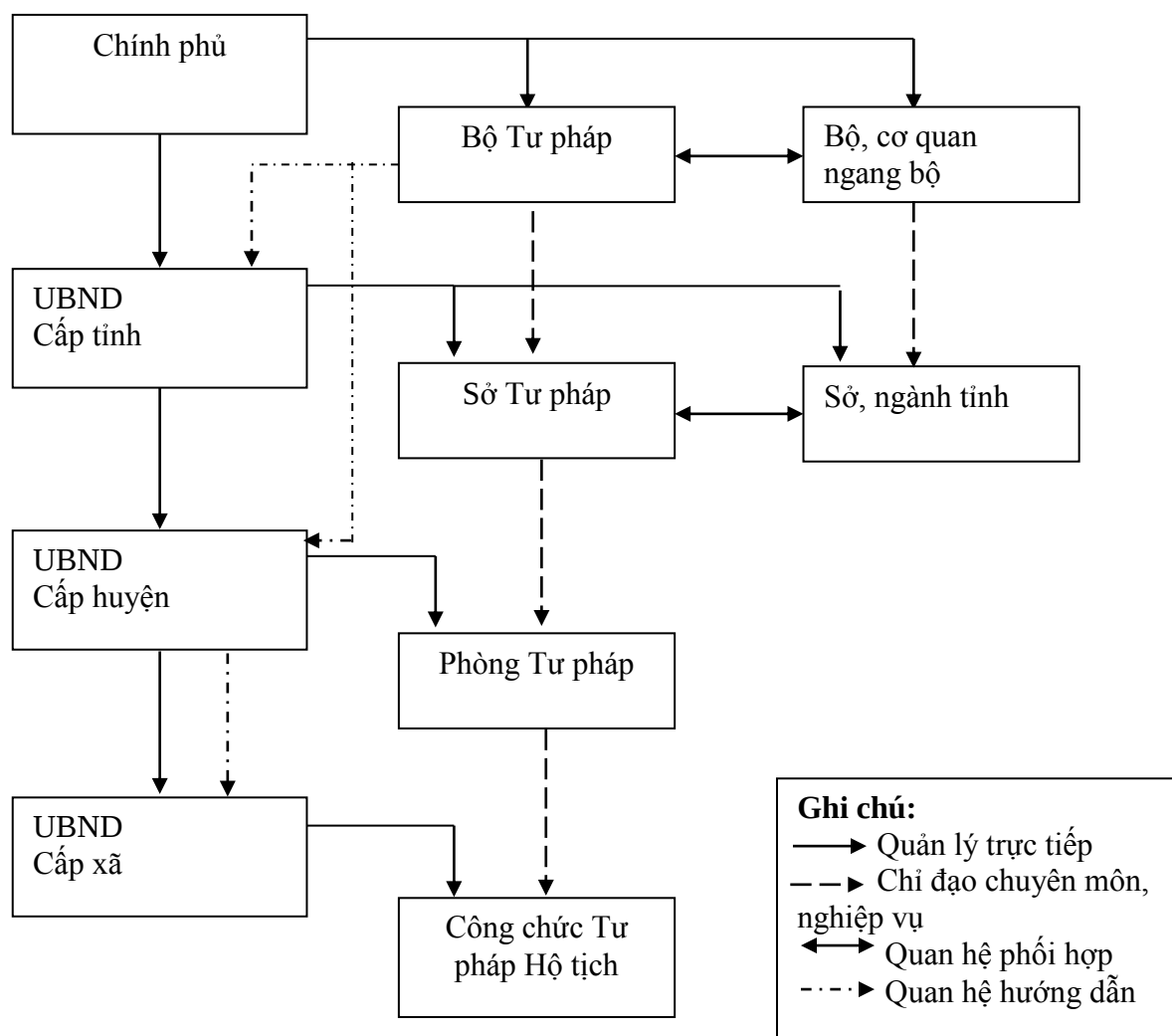
Khi nói đến vai trò của QLNN về PBGDPL là nói đến tác dụng, tầm quan trọng của hoạt động này trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương. Công tác PBGDPL được Đảng và Nhà nước ta xác định là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nên việc đẩy mạnh thực hiện QLNN về PBGDPL có hiệu quả, góp phần vào việc ổn định an ninh chính trị và phát triển kinh tế xã hội.

QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL có vai trò rất quan trọng, đây là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất ở địa phương, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách vào điều kiện thực tế ở địa phương. Khoản 2 Điều 114 Hiến

pháp năm 2013: “Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao” [25, tr. 60]. Khoản 6 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh: “Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật” [28, tr. 32].

Trong công tác QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL cũng như các lĩnh vực khác cần có sự thống nhất trong quản lý, điều hành, chịu trách nhiệm chính của các cơ quan chuyên môn trong đó Sở Tư pháp là trọng tâm, là đầu mối chịu trách nhiệm chính về PBGDPL. Các sở, ngành còn lại chịu trách nhiệm quản lý về PBGDPL đối với ngành, lĩnh vực và chịu trách nhiệm báo cáo với cơ quan tư pháp để tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý. Ngoài ra, theo hệ thống thẩm quyền chung, UBND cấp huyện và cấp xã là cơ quan chịu trách nhiệm trong hoạt động quản lý theo phạm vi lãnh thổ, chịu trách nhiệm với UBND cấp trên. Bộ máy các cơ quan QLNN về PBGDPL ở địa phương theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Mô hình Bộ máy QLNN về PBGDPL của UBND tỉnh



Một trong những vai trò cơ bản của pháp luật trong đời sống nhà nước, đời sống xã hội là: *pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước*. PBGDPL góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN, quản lý xã hội. Vai trò này bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. PBGDPL góp phần hình thành văn hoá ứng xử và văn hoá pháp lý của người dân, việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật sẽ tạo điều kiện cho việc nâng cao trình độ văn hóa pháp lý của

người dân. Một nguyên lý đã được khẳng định là nhà nước không thể tồn tại thiếu pháp luật và pháp luật không thể phát huy hiệu lực của mình nếu không có sức mạnh của bộ máy nhà nước. Thông qua quyền lực nhà nước, pháp luật mới có thể phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, phát huy vai trò QLNN, quản lý xã hội.

1.2. Nội dung quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

1.2.1. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong công tác QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL của địa phương, hoạt động ban hành văn bản, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh là rất quan trọng, đây là cơ quan tiếp nhận, cụ thể hóa các văn bản của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương. Do vậy, Công tác xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh là một đặc điểm quan trọng của QLNN, đây là một hoạt động không thể thiếu trong hoạt động quản lý, thể hiện tính chấp hành và điều hành hoạt động quản lý nói chung và QLNN về công tác PBGDPL nói riêng. Công tác ban hành văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch của UBND nhằm thiết lập một trật tự, khuôn khổ, hành lang cho việc thực hiện công tác PBGDPL, với những nội dung quy định về cơ chế phối hợp, các điều kiện đảm bảo cho công tác PBGDPL, nội dung, hình thức PBGDPL, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động PBGDPL và là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện hoạt động quản lý.

Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định: văn bản QPPL của UBND tỉnh được ban hành dưới hình thức Quyết định. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ở địa phương, UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL để điều chỉnh hoạt động PBGDPL ở địa phương.

UBND tỉnh không những ban hành các văn bản QPPL mà còn ban hành các chương trình, kế hoạch về PBGDPL để tổ chức thực hiện hoạt động PBGDPL của địa phương. Các văn bản này có thể chia thành 02 loại văn bản: văn bản chung mang tính tổng quát và văn bản riêng quy định từng hình thức PBGDPL.

Văn bản chung mang tính tổng quát, thường chứa đựng những quy định chung và là cơ sở để ban hành thực hiện các hoạt động phổ biến chuyên biệt có thể kể đến như: Chương trình PBGDPL giai đoạn, hàng năm, các Kế hoạch thực hiện công tác PBGDPL, Kế hoạch tổ chức triển khai các Đề án về công tác PBGDPL.... Do vậy, có thể dựa vào các văn bản trên, các cơ quan có thẩm quyền ban hành những văn bản cụ thể phù hợp với từng địa phương để triển khai thực hiện.

Văn bản riêng quy định từng hình thức PBGDPL cụ thể như: quy định về quản lý, khai thác tử sách pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hoạt động câu lạc bộ pháp luật, quy định tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Do vậy, các văn bản này ngoài việc điều chỉnh những nội dung ở từng lĩnh vực cụ thể thì dưới góc độ khác hoạt động của các hình thức này cũng góp phần vào việc thực hiện công tác PBGDPL. Trong phạm vi luận văn này chỉ đề cập đến công tác ban hành các văn bản pháp luật chung mang tính tổng quát làm cơ sở để tổ chức triển khai hoạt động PBGDPL ở địa phương.

Như vậy, công tác ban hành văn bản, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh là rất quan trọng và cần thiết, vì đây là hoạt động áp dụng pháp luật nhằm cụ thể hóa các văn bản của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương. Các văn bản này là công cụ cơ bản để các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng QLNN, nhằm thiết lập một trật tự, khuôn khổ, hành lang cho việc thực hiện công tác PBGDPL của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đồng thời là cơ sở để tổ chức, đánh giá kết quả hiệu quả công tác PBGDPL trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. Các văn bản về công tác PBGDPL do phải thường xuyên thay đổi để phù hợp với hoạt động ban hành văn bản của cơ quan cấp trên và điều kiện cụ thể từng thời điểm, từng địa bàn nên tính ổn định và bền vững không cao.

1.2.2. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Khoản 1 Điều 17 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương tỉnh: “*Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn tỉnh*” [28, tr. 20]. Công tác ban hành

văn bản QPPL, chương trình, kế hoạch của UBND là cơ sở, định hướng thực hiện công tác PBGDPL. Công tác Chỉ đạo, hướng dẫn là những nội dung rất quan trọng, đồng thời là những định hướng bao quát hay cụ thể để đối tượng nghiên cứu, tổ chức thực hiện. Do vậy, để thực hiện đạt mục tiêu đề ra thì cần thiết phải có sự theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn thường xuyên các nội dung trên nhằm thực hiện có hiệu quả, đúng tinh thần nội dung của văn bản.

Thẩm quyền chỉ đạo, hướng dẫn thể hiện của Ủy ban cấp trên đối với UBND cấp dưới và các cơ quan, tổ chức cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý. Việc chỉ đạo nhằm mục đích hướng đối tượng tổ chức thực hiện những ý kiến của cấp trên, khắc phục những hạn chế, khó khăn trong tổ chức triển khai thực hiện. Chỉ đạo của cấp trên cũng là cơ sở để tổ chức, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành đối với cấp dưới. Công tác Chỉ đạo thường mang tính chủ trương, tính mệnh lệnh, định hướng, nhưng đôi khi cũng mang tính chi tiết, cụ thể.

Ngoài ra, trong hoạt động PBGDPL cần phải hướng dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, đối tượng quản lý có thể gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định nên cần phải có sự hướng dẫn để tránh tổ chức thực hiện một cách tùy tiện, không đúng với yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Việc hướng dẫn có thể xem như là chỉ dẫn, chỉ ra những cách thức để thực hiện, là những giải thích cụ thể, chi tiết những nội dung, cách thức thực hiện công tác PBGDPL của cấp trên đối với cấp dưới hoặc của cơ quan chuyên ngành thực hiện công tác PBGDPL được giao thẩm quyền, cụ thể Sở Tư pháp hướng dẫn các sở, ngành giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hiểu và nắm vững những nội dung cần thực hiện nhằm đảm bảo công tác PBGDPL được thực hiện thống nhất nhằm mang lại hiệu quả của công tác quản lý.

Hướng dẫn chủ yếu chỉ dẫn cách thức để thực hiện, hướng dẫn phải trong phạm vi nhất định, đó là sự diễn giải, giải thích từ những cái chung thành những cái cụ thể hơn, chi tiết hơn để việc tổ chức thực hiện được thống nhất, còn công tác chỉ đạo thường mang tính ràng buộc của cấp trên đối với cấp dưới nên việc chỉ đạo

thường mang tính mệnh lệnh, bắt buộc, so với chỉ đạo thì hướng dẫn mang tính ràng buộc thấp hơn.

UBND tỉnh ngoài việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác PBGDPL còn tổ chức thực hiện công tác PBGDPL là một nhiệm vụ quan trọng, đây là việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. UBND tỉnh ngoài việc thực hiện chức năng quản lý, còn có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác PBGDPL ở địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL.

Như vậy, công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cũng cần lưu ý đặc thù cụ thể của từng ngành, địa phương, tránh tình trạng áp đặt, cứng nhắc không tạo được sự chủ động, linh hoạt của từng đơn vị, địa phương. Có thể nói, trong QLNN về PBGDPL, hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn rất quan trọng đối với UBND tỉnh. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác PBGDPL của UBND tỉnh thường có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau, hoạt động này bổ sung cho hoạt động kia. Đây là cơ sở để thể hiện hoạt động chấp hành và điều hành trong tổ chức thực hiện công tác PBGDPL đảm bảo hoạt động PBGDPL được thực hiện đúng mục đích, mục tiêu đề ra.

1.2.3. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác PBGDPL cũng như việc định hướng nội dung, đổi mới hình thức, tăng cường các nguồn lực cho công tác PBGDPL là một vấn đề rất quan trọng và phải được thực hiện thường xuyên. Điểm c khoản 2 Điều 27 Luật PBGDPL năm 2012 quy định UBND tỉnh có trách nhiệm: *“Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật”* [26, tr. 28]. Đồng thời, để một văn bản pháp luật ban hành được đi vào cuộc sống, vai trò của những người làm công tác PBGDPL rất quan trọng, đây là yếu tố quyết định chất lượng và hiệu quả của công tác PBGDPL.

Khoản 2 Điều 28 Luật PBGDPL năm 2012 quy định: “*Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình hoặc định kỳ mời báo cáo viên tham gia PBGDPL tại cơ quan, tổ chức, đơn vị*” [26, tr. 29]. Đội ngũ làm công tác PBGDPL hiện nay rất đa dạng, có thể chia thành 02 đối tượng gồm: đội ngũ làm công tác trực tiếp tham mưu QLNN về PBGDPL như: Phòng PBGDPL thuộc Sở Tư pháp và đội ngũ kiêm nhiệm như: cán bộ pháp chế các sở, ngành; những người tham gia thực hiện công tác PBGDPL: báo cáo viên, tuyên truyền viên, phóng viên, biên tập viên pháp luật ở các cơ quan thông tin, đại chúng, đội ngũ giáo viên dạy môn pháp luật, giáo dục công dân, cán bộ, nhân viên các cơ quan pháp luật, hòa giải viên. Nhằm nâng cao chất lượng cho đội ngũ làm công tác PBGDPL việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ làm công tác PBGDPL định kỳ là cần thiết vì với một đội ngũ làm công tác PBGDPL đa dạng và nhiều thành phần, trong đó có những đối tượng được đào tạo một cách bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ và một số đối tượng là kiêm nhiệm, trong khi đó hệ thống pháp luật không ổn định ban hành ngày càng nhiều và thường xuyên thay đổi, mặt khác việc thay đổi vị trí công tác, luân chuyển cán bộ tại các cơ quan Nhà nước dẫn đến việc thay đổi người làm công tác PBGDPL là tất yếu.

Nội dung công tác bồi dưỡng chủ yếu bao gồm các luật mới ban hành, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL. UBND tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL có thể thông qua các hình thức như: hội nghị, khóa tập huấn ngắn hạn, dài hạn, hỗ trợ tài liệu, giảng dạy. Đây là một nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động QLNN về PBGDPL ở địa phương.

1.2.4. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

Điều 157 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định: “*Văn bản QPPL do các cơ quan nhà nước ở trung ương, HĐND, UBND ban hành phải được đăng tải toàn văn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ*

ngày công bố hoặc ký ban hành và đưa trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước” [27, tr. 167].

Khoản 2 Điều 150 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định *“Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải được đăng công báo cấp tỉnh” [27, tr. 160].*

Ngày nay cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhu cầu sử dụng mạng lưới thông tin điện tử của người dân ngày càng phổ biến. Do đó việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật rất được quan tâm. Hình thức công khai văn bản thì rất nhiều nhưng hình thức phổ biến hiện nay là: niêm yết, đưa tin, đăng công báo, gửi, thông tin trên các trang thông tin điện tử được cập nhật hệ thống các văn bản pháp luật từ các trang web của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành ở Trung ương. Trong những hình thức công khai thì việc công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhằm tạo ra sự thống nhất, dễ tìm, tránh tình trạng dàn trải, ít tốn kém chi phí, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại công nghệ thông tin. Ở địa phương, UBND tỉnh đều có các website đăng tải các văn bản pháp luật của địa phương mình.

Luật PBGDPL giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, UBND tỉnh là cơ quan phối hợp thực hiện. Khoản 1 Điều 15 Luật PBGDPL năm 2012 quy định *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang xem xét, giải quyết vụ việc của công dân có trách nhiệm giải thích, cung cấp các quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến vụ việc đang giải quyết hoặc hướng dẫn tìm kiếm, tra cứu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật khi công dân đó có yêu cầu” [26, tr. 17].*

Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, theo đó khoản 1 Điều 2 Nghị định 52/2015/NĐ-CP quy định: *“Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật dưới dạng văn bản điện*

từ do Chính phủ thống nhất quản lý, bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật Trung ương và Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật địa phương” [14, tr. 1]. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản QPPL, kể từ ngày ký xác thực đối với văn bản hợp nhất, đơn vị giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì soạn thảo văn bản phải gửi bản giấy và bản điện tử văn bản đến đơn vị thực hiện việc cập nhật văn bản, trong thời hạn 15 ngày làm việc đơn vị thực hiện việc cập nhật văn bản phải đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Đối với những văn bản quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL; văn bản có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ngày ký ban hành phải được gửi ngay đến đơn vị thực hiện việc cập nhật văn bản trong ngày công bố hoặc ký ban hành và trong thời hạn 02 ngày làm việc đơn vị thực hiện việc cập nhật văn bản phải đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Ở địa phương Sở Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật văn bản QPPL của HĐND và UBND vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Như vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là hết sức cần thiết, nhằm bảo đảm việc công khai, minh bạch pháp luật, phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật của công dân được nhanh chóng, thuận tiện và chính xác. Do đó đòi hỏi cần phải có một cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thống nhất, cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương để đảm bảo hệ thống văn bản pháp luật được ban hành, chuyển tải chính xác, kịp thời, đầy đủ. Hiện nay, có nhiều hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan, bộ, ngành, địa phương và nhiều trang website của các công ty luật, cá nhân. Trong đó có những trang điện tử đăng tải văn bản gốc, có những trang đăng tải tóm tắt nội dung, có những trang truy cập phải trả phí.

1.2.5. Thống kê, tổng kết về phổ biến, giáo dục pháp luật

Công tác thống kê, báo cáo là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền nắm được các số liệu thực tế nhằm điều chỉnh, đánh giá kết quả, rút ra những kinh nghiệm, những mặt làm được và chưa làm được trong quá trình tổ chức thực hiện, đề ra các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện trong thời gian tiếp theo. Do đó, hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL đòi hỏi chủ thể quản lý phải nắm bắt một cách chính xác những số liệu thực tế để phục vụ cho việc xây dựng, hoạch định các chương trình, kế hoạch.

Ở địa phương, UBND tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc thống kê, báo cáo kết quả về công tác PBGDPL; sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ngày 09/11 hàng năm).

Ngày 03 tháng 3 năm 2016, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 04/2016/TT-BTP quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp thay thế Thông tư 20/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của Ngành Tư pháp. Việc ban hành Thông tư số 04/2016/TT-BTP đã góp phần tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thống kê giúp cho công tác thống kê đầy đủ, chính xác phục vụ có hiệu quả công tác tổng hợp, nghiên cứu để thực hiện việc hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành thuộc phạm vi quản lý của Ngành Tư pháp. Nội dung thống kê bao gồm: chế độ báo cáo thống kê; điều tra thống kê; phân tích, dự báo, công bố, phổ biến, sử dụng thông tin thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin và kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê trong 20 lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định pháp luật, trong đó có công tác PBGDPL.

Báo cáo thống kê định kỳ được lập hàng năm theo định kỳ 6 tháng và 01 năm theo Hệ thống biểu mẫu được quy định. Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính trong kỳ báo cáo. Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 5 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế);

số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm. Kỳ báo cáo thống kê 01 năm được thực hiện hai lần trong năm, bao gồm: báo cáo năm lần một: thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính. Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 11 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo năm chính thức: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế). Thời hạn báo cáo thống kê định kỳ của mỗi cấp báo cáo được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê theo nguyên tắc: đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một: thời hạn thực hiện báo cáo thống kê cơ sở không quá 08 ngày kể từ ngày chốt số liệu thực tế trong kỳ báo cáo. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ở địa phương, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Cơ quan nhận báo cáo thống kê ở địa phương UBND tỉnh (Phòng PBGDPL thuộc Sở Tư pháp). Hình thức báo cáo thống kê bằng văn bản điện tử dưới dạng ảnh (định dạng pdf) hoặc văn bản giấy. Ngoài việc báo cáo thống kê định kỳ, thông tư còn quy định việc báo cáo thống kê đột xuất.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo mẫu 09c/BTP-PBGDPL. Nội dung báo cáo theo mẫu 09c/BTP-PBGDPL về tình hình tổ chức và hoạt động PBGDPL tại các cơ quan tổ chức thuộc tỉnh (hình thức phổ biến, pháp luật trực tiếp: số cuộc, số người dự; thi tìm hiểu pháp luật: số cuộc thi, số người dự thi; số tài liệu PBGDPL được phát hành; số lần PBGDPL trên các phương tiện truyền thông). Sở Tư pháp báo cáo về Bộ Tư pháp theo mẫu 09d/BTP-PBGDPL và mẫu 10b/BTP-PBGDPL. Nội dung mẫu 09d/BTP-PBGDPL về số tuyên truyền viên pháp luật và báo cáo viên pháp luật trên địa bàn tỉnh sau khi tổng hợp của cấp huyện và các sở, ngành, đoàn thể tỉnh. Nội dung mẫu 10b/PBGDPL-BTP về kết quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh sau khi tổng hợp kết quả từ cấp huyện và các sở, ngành, đoàn thể tỉnh.

Để đảm bảo việc quản lý có hiệu quả việc sơ kết, tổng kết phải trung thực, tránh tình trạng làm qua loa, bệnh thành tích. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá những kết quả đạt được, kịp thời khắc phục những khó khăn, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện công tác PBGDPL. Song việc sơ kết, tổng kết phải gắn với công tác khen thưởng để động viên tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

1.2.6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong hoạt động QLNN thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm là một hoạt động không thể thiếu. Thanh tra, kiểm tra giúp chủ thể quản lý phòng ngừa, phát hiện ra những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật nhằm rút ra những kinh nghiệm, tìm ra những hạn chế, thiếu sót, thậm chí sai trái để từ đó kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền có biện pháp tác động phù hợp để bảo đảm trật tự QLNN. Hoạt động này được tiến hành bởi những chủ thể có thẩm quyền trong QLNN hoặc chủ thể được giao quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng thanh tra là bạn của trên là tai mắt của dưới *“thanh tra, kiểm tra là một bộ phận không thể tách rời của công tác lãnh đạo. Công tác lãnh đạo bao gồm ba bộ phận cấu thành, đó là quyết định chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách đã ban hành; và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chủ trương, chính sách đã ban hành đó”* [36, tr. 11].

“Thanh tra là chức năng cơ bản của quản lý, là hoạt động xác định xem thực tế hoạt động của đối tượng bị quản lý phù hợp hay không phù hợp với mục tiêu định trước” [41, tr. 626]. Đồng thời, Thanh tra là một chức năng quan trọng, không thể thiếu trong công tác QLNN *“việc xem xét, định hướng, đánh giá kết quả quản lý là một phương diện của quản lý xã hội. QLNN là một bộ phận quản lý xã hội và ở đâu có QLNN thì ở đó có thanh tra”* [17, tr. 16]. Còn kiểm tra với tư cách là một chức năng quản lý, là hoạt động xác định xem xét thực tế hoạt động của đối tượng bị quản lý phù hợp hay không phù hợp với trạng thái định trước. Kiểm tra nhằm phát hiện và loại bỏ các lệch lạc có thể có của đối tượng bị quản lý, hoặc chỉnh lý lại các

quyết định đã ban hành trước đây cho phù hợp với thực tế và yêu cầu nhiệm vụ quản lý [41, tr. 16].

UBND tỉnh có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra về công tác PBGDPL mà cơ quan tham mưu trực tiếp là Sở Tư pháp (được thực hiện chủ yếu bởi Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, Thanh tra Sở Tư pháp, Phòng PBGDPL thuộc Sở Tư pháp). Ngoài thanh tra chuyên ngành, thì thanh tra nhà nước cấp tỉnh cũng có thể thực hiện thanh tra về công tác PBGDPL khi được Chủ tịch UBND tỉnh giao. Tuy nhiên, hoạt động này trong thực tế hầu như không có.

Việc thanh tra, kiểm tra có thể thực hiện hàng năm, 06 tháng, quý, chuyên đề; yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước; những việc được cơ quan nhà nước cấp trên giao hoặc do tổ chức thanh tra tự phát hiện trong phạm vi, trách nhiệm của mình và được tiến hành dựa trên Kế hoạch, chương trình thanh tra, kiểm tra được lập ra theo yêu cầu quản lý hành chính Nhà nước.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra bao gồm những nội dung sau: thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL; việc thực hiện chính sách, pháp luật trong việc thực hiện công tác PBGDPL; nội dung PBGDPL cho công dân và một số đối tượng đặc thù; trách nhiệm PBGDPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân; giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về PBGDPL. Từ đó có thể thấy so với kiểm tra thì việc thanh tra phải thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ hơn, chủ thể có quyền thanh tra cũng hạn chế hơn so với chủ thể có quyền kiểm tra.

Việc khiếu nại, tố cáo về công tác PBGDPL được thực hiện theo Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Trong hoạt động QLNN ngoài việc thanh tra, kiểm tra thì việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm cũng góp phần đảm bảo trật tự QLNN, đây là hoạt động gắn liền với hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo quyền dân chủ của công dân trong công tác PBGDPL, đồng thời đây cũng là một kênh quan trọng giúp cơ quan có thẩm quyền nắm bắt được thông tin trong quá trình quản lý. Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ

chức, cá nhân trong quá trình thực hiện công tác PBGDPL hoặc khi quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm với cơ quan có thẩm quyền.

Thực tế cho thấy xử lý vi phạm là một chế tài nhằm phòng ngừa, hạn chế các hành vi vi phạm trong hoạt động PBGDPL. Vi phạm pháp luật trong công tác PBGDPL là hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về QLNN trong công tác PBGDPL. Do đó tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mà chủ thể thực hiện hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong các hình thức xử lý vi phạm, việc xử phạt vi phạm hành chính thường được áp dụng hơn, đây là một trong những hoạt động đặc trưng của QLNN. Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong công tác PBGDPL được thực hiện theo thẩm quyền xử phạt khi phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong công tác PBGDPL như: cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; cản trở hoạt động PBGDPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân; truyền đạt sai lệch nội dung pháp luật được phổ biến; lợi dụng danh nghĩa báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao để trục lợi. Tùy theo tính chất, mức độ, các hành vi vi phạm trên có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và có thể bị thực hiện hình thức phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thẻ báo cáo viên pháp luật từ 01 tháng đến 03 tháng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm. Theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thẩm quyền xử phạt bao gồm chủ tịch UBND các cấp và thanh tra Sở Tư pháp.

Xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức, viên chức do vi phạm pháp luật trong hoạt động PBGDPL được thực hiện theo quy định của pháp luật chung về phân cấp quản lý và theo Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với cá nhân vi phạm các quy định trong Bộ Luật hình sự. Tuy không có các điều khoản quy định riêng đối với những hành vi phạm tội liên quan đến công tác PBGDPL nhưng những hành vi phạm tội cụ thể có liên quan đến công tác PBGDPL thì đã được điều chỉnh đối với từng tội danh cụ thể. Khoản 2, Điều 9 Luật PBGDPL năm 2012 quy định các hành vi bị cấm: *“lợi dụng PBGDPL để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”* [26, tr. 12] và Điều 88 Bộ Luật hình sự quy định Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Như vậy, trong hoạt động QLNN về PBGDPL: công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm là một nội dung rất quan trọng, hoạt động thanh tra chủ yếu do cấp tỉnh tiến hành. Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện những bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách, phát hiện những hành vi xâm hại trật tự QLNN của tổ chức, cá nhân. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có mối quan hệ tác động qua lại và mật thiết với nhau. Các hoạt động này phải được thực hiện thường xuyên, có nền nếp nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật trong hoạt động PBGDPL diễn ra theo khuôn khổ và trật tự nhất định. Ngoài ra, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính nhằm đảm bảo thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân, đồng thời còn là nguồn cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý và phòng ngừa, răn đe các hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

1.2.7. Hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong những năm gần đây, hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật đã được quy định tại Nghị định 93/2009/NĐ-CP của Chính phủ điều chỉnh vấn đề quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, Nghị định 113/2014/NĐ-CP của Chính phủ điều chỉnh khía cạnh pháp lý các hoạt động hợp tác trong lĩnh

vực pháp luật (cả vốn ODA và phi Chính phủ), Nghị định 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ điều chỉnh vấn đề quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

Trong hoạt động PBGDPL hợp tác quốc tế là một nội dung quan trọng. Vì điều kiện nước ta hiện nay là nước đang phát triển, nên việc hợp tác quốc tế nhằm huy động sự tham gia, hỗ trợ của các quốc gia trên thế giới và học hỏi những kinh nghiệm là rất cần thiết. Hoạt động hợp tác quốc tế diễn ra theo hướng song phương, đa phương trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tổ chức vận động ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trong hợp tác quốc tế về pháp luật ở địa phương. Trong công tác quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật tại địa phương, Điều 25 Nghị định 113/2014/NĐ-CP quy định UBND tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: *“Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản lý chương trình, dự án hợp tác pháp luật có sử dụng nguồn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tại địa phương theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; tổ chức vận động theo thẩm quyền hoặc hỗ trợ vận động nguồn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài về pháp luật tại địa phương khi có đề nghị của Bộ Tư pháp; tổng hợp, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật tại địa phương theo quy định của pháp luật. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh QLNN về hợp tác quốc tế về pháp luật tại địa phương”* [13, tr. 35].

Hoạt động hợp tác quốc tế về PBGDPL là một hoạt động rất cần thiết, là điều kiện để tiếp thu, học tập kinh nghiệm cũng như huy động sự tham gia, hỗ trợ từ bên ngoài góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh công tác PBGDPL ở Việt Nam. Nội dung hợp tác quốc tế về công tác PBGDPL gồm: phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị liên quan đến công tác PBGDPL; thu thập, trao đổi, nghiên cứu những thông tin và kinh nghiệm trong quản lý; hỗ trợ lẫn nhau về cơ sở vật chất,

công nghệ, tăng cường năng lực pháp luật trong hoạt động QLNN; phối hợp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

Có thể nói, hợp tác quốc tế là một xu hướng tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Trong công tác PBGDPL hợp tác quốc tế là một nội dung quan trọng và là 01 trong 07 nội dung QLNN của UBND tỉnh trong công tác PBGDPL như: Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về PBGDPL; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL; bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; thống kê, tổng kết về PBGDPL; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong PBGDPL; hợp tác quốc tế về PBGDPL. Các nội dung này có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, hoạt động này là cơ sở, là tiền đề để tổ chức thực hiện hoạt động kia, góp phần thực hiện QLNN và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL đạt hiệu quả.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

1.3.1. Yếu tố nhận thức

Yếu tố nhận thức là tổng thể những quan điểm, tư tưởng, nhận thức của UBND tỉnh về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác QLNN về PBDGPL trong đời sống xã hội. Xác định QLNN về PBGDPL là một nhiệm vụ trọng tâm, cần thiết, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác QLNN, bởi vì dân có thông suốt các chủ trương thì nhà nước mới dễ quản lý. Sự nhận thức của UBND tỉnh là sự nhìn nhận mối quan hệ giữa QLNN về PBGDPL với QLNN trên các lĩnh vực khác. Yêu cầu của nhận thức cần được cụ thể qua ban hành những văn bản chỉ đạo về công tác PBGDPL, sự quan tâm tạo điều kiện về cơ cấu tổ chức, kinh phí, các điều kiện thực hiện công tác PBGDPL ở địa phương. Đây là cơ sở để tạo cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội từ đó huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị vào công tác PBGDPL. Các cơ quan trong hệ thống chính trị xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị và phát huy vai trò là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh, tránh tình

trạng xem công tác PBGDPL là nhiệm vụ của ngành tư pháp, từ đó khoán trắng cho Ngành Tư pháp.

Đây là một trong những nhân tố có ý nghĩa quan trọng, là vấn đề cơ bản, là điều kiện, tiền đề tư tưởng quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL.

1.3.2. Yếu tố pháp luật

Bản thân pháp luật được sinh ra là để điều chỉnh các quan hệ xã hội, là cơ sở để các chủ thể thực hiện pháp luật. Pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ trong đời sống xã hội. Do vậy, pháp luật có ảnh hưởng rất lớn đến công tác QLNN của các cấp chính quyền nói chung và của UBND tỉnh nói riêng, là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện trong phạm vi cả nước hay phạm vi tỉnh, là công cụ quan trọng để bảo đảm cho công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện hiệu lực, hiệu quả, là công cụ hữu hiệu để giữ gìn an ninh trật tự, ổn định chính trị xã hội ở quốc gia hay địa phương; pháp luật còn là đòn bẩy để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội...

Pháp luật có vị trí, vai trò rất quan trọng, nó chi phối, tác động mạnh mẽ đến hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước. Người dân sẽ tích cực, chủ động và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật nếu có một hệ thống pháp luật toàn diện (hệ thống pháp luật phải có khả năng đáp ứng được đầy đủ nhu cầu điều chỉnh pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội), đồng bộ (không chồng chéo, mâu thuẫn với nhau), phù hợp (sát thực tế, phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, tâm lý,...), công khai, minh bạch và được thực hiện nghiêm minh. Ngược lại, hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, toàn diện,... sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý đối với các cơ quan nhà nước, là lực cản đối với sự phát triển, sẽ làm tình hình an ninh trật tự phức tạp, khó quản lý, đặc biệt là sẽ làm giảm niềm tin của người dân đối với pháp luật.

1.3.3. Yếu tố tổ chức và năng lực cán bộ

Trong tác phẩm sửa đổi lỗi làm việc, Bác Hồ nhắc nhở chúng ta “một lẽ rất đơn giản, dễ hiểu; tức là vô luận việc gì cũng đều do người làm ra và từ nhỏ đến to,

từ gần đến xa đều thế cả”. Chúng ta hiểu từ “người” ở đây là những tổ chức và những cá nhân-thành viên của tập thể nào đó. Điều đó có nghĩa là tổ chức, năng lực là yếu tố quyết định của việc thực hiện mọi công việc. Tổ chức, năng lực là cái gốc của mọi vấn đề.

Yếu tố tổ chức, phải có phương pháp, tổ chức quản lý, PBGDPL cần thường xuyên đổi mới, đa dạng về nội dung, hình thức PBGDPL theo hướng không chỉ đáp ứng nhu cầu kiến thức cơ bản về pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn để nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật cho các đối tượng mà còn giúp cho họ có khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cuộc sống, đồng thời giúp cho công tác QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL được đúng hướng và hiệu quả.

Việc đa dạng hóa hình thức, phương pháp PBGDPL, không chỉ thông qua các buổi tuyên truyền pháp luật theo truyền thống mà cần tăng cường xây dựng và mở rộng hình thức tìm hiểu pháp luật qua các hoạt cảnh trên phát thanh hoặc truyền hình, xây dựng trang website,... Đồng thời để người dân có thể cập nhật thông tin, trao đổi, bàn luận và tìm hướng giải quyết cho những vấn đề bức xúc trong đời sống pháp luật được nhanh chóng, kịp thời.

Yếu tố năng lực của cán bộ, đội ngũ làm công tác PBGDPL giữ vai trò quyết định chất lượng công tác PBGDPL và PBGDPL là hoạt động vì con người và do con người thực hiện. Mỗi một người cán bộ nếu không đủ năng lực, trình độ thì không thể tham mưu và xây dựng được những văn bản QPPL phù hợp với đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và phù hợp với tình hình xã hội. Tổ chức, năng lực cán bộ là nhân tố, là chủ thể thực hiện công tác PBGDPL. Do vậy, phải đào tạo và chọn những cán bộ có phẩm chất, năng lực, trình độ, có khả năng quản lý, tuyên truyền, giáo dục tốt, có lòng nhiệt tình, say mê với công việc PBGDPL.

Bên cạnh đó, phải thường xuyên rà soát, phân loại, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và định hướng nội dung PBGDPL cho đội ngũ làm công tác này, cung cấp kiến thức, bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng, khả năng thu hút người nghe và truyền đạt hiệu quả.

Công tác tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL có tầm ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước của UBND tỉnh về PBGDPL. Đây là lực lượng trực tiếp thực thi các nhiệm vụ, công việc này, cho nên sự thành công hay thất bại của công việc này là phụ thuộc nhiều ở lực lượng đội ngũ cán bộ này. Người cán bộ, lãnh đạo luôn đóng vai trò chủ chốt trong việc cải tiến nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước của UBND tỉnh về PBGDPL.

Dó đó, nếu phương pháp tổ chức không khoa học, hiệu quả; đội ngũ cán bộ yếu kém cả về phẩm chất và năng lực thì tác động tiêu cực đến chất lượng hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL, các nội dung về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước khó chuyển tải được vào trong đời sống xã hội của nhân dân. Ngoài ra, các hệ lụy tiêu cực khác gây ảnh hưởng đến đời sống xã hội của nhân dân.

Ngược lại, nếu có phương pháp tổ chức khoa học, hiệu quả; đội ngũ cán bộ đáp ứng cả về phẩm chất và năng lực thì đảm bảo được chất lượng hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL, các nội dung về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước dễ dàng chuyển tải được vào trong đời sống xã hội của nhân dân.

1.3.4. Yếu tố kinh tế

Yếu tố kinh tế bao gồm tổng thể các điều kiện, hoàn cảnh về kinh tế xã hội, hệ thống chính sách kinh tế, chính sách xã hội và việc triển khai thực hiện, áp dụng chúng trong xã hội. Yếu tố kinh tế là nền tảng của sự nhận thức hiểu biết pháp luật và thực hiện pháp luật nên có tác động mạnh mẽ tới hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật. Nước ta là một nước phát triển kinh tế theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà ở đó các quan hệ kinh tế đều được thực hiện thông qua thị trường, quan hệ mua bán. Trong kinh tế thị trường, các quy luật cơ bản của thị trường phát huy tác dụng trong các lĩnh vực sản xuất xã hội.

Theo đó, khi kinh tế phát triển, đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện, các cán bộ, công chức, các tầng lớp nhân dân có điều kiện, chủ động để đáp ứng các

nhu cầu về thông tin pháp luật đa dạng và liên tục tự giác cập nhật. Các chương trình PBGDPL sẽ dễ dàng đến được với đông đảo cán bộ và nhân dân; nhu cầu tìm hiểu, trang bị thông tin, kiến thức pháp luật trở thành nhu cầu thực sự, thường trực trong suy nghĩ và hành động của họ và không thể thiếu trong các quan hệ, giao dịch của nhân dân. Điều đó giúp cho hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể mang tính tích cực, tự giác.

Yếu tố kinh tế là điều kiện cần thiết cho sự ổn định chính trị, tăng cường pháp chế và đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội; củng cố ý thức, khơi dậy thái độ tích cực của quần chúng đối với việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật; nhờ đó, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cũng được nâng lên một bước và việc thực hiện pháp luật của các chủ thể trở nên tự giác và chủ động hơn.

Khi nền kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất của các tầng lớp dân cư được cải thiện, lợi ích kinh tế được đảm bảo thì nhân dân sẽ phần khởi tin tưởng vào đường lối kinh tế, chính sách pháp luật, sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động điều hành, quản lý của Nhà Nước. Khi đó, niềm tin của các chủ thể đối với pháp luật được củng cố. Hoạt động thực hiện pháp luật sẽ mang tính tích cực, thuận chiều, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực pháp luật hiện hành.

Còn ngược lại, khi kinh tế chậm phát triển, thu nhập thấp, tình trạng thất nghiệp gia tăng, lợi ích kinh tế không được đảm bảo, đời sống của cán bộ nhân dân gặp khó khăn thì tư tưởng sẽ diễn biến phức tạp, cái xấu có cơ hội nảy sinh, tác động tiêu cực tới việc thực hiện pháp luật.

Đây chính là điều kiện cho sự xuất hiện các loại hành vi vi phạm pháp luật, đi ngược lại với giá trị, chuẩn mực pháp luật, như tệ quan liêu, cửa quyền, những nhiễu, tham nhũng trong cán bộ, viên chức nhà nước; buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế từ phía các doanh nghiệp; trộm cắp, cướp giật, buôn bán ma túy... gây ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến hiệu quả quản lý nhà nước của UBND tỉnh về PBGDPL.

1.3.5. Yếu tố xã hội

Trong xã hội hiện đại, có nền dân chủ rộng rãi, các tầng lớp xã hội có thể thẳng thắn, công khai bày tỏ ý kiến, quan điểm, nguyện vọng của mình đối với các vấn đề pháp luật và các cơ quan pháp luật sẵn sàng lên tiếng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ý thức tự giác chấp hành pháp luật là một trong các biểu hiện cụ thể nhất của lối sống có văn hóa của người dân. Sự tự giác ấy có được từ kết quả của nhiều yếu tố, trong đó giáo dục kết hợp với răn đe, xử lý, giữ vai trò quan trọng giúp mỗi cá nhân chấp hành pháp luật một cách nghiêm túc trong xã hội.

Trong xã hội phát triển, công bằng, dân chủ, văn minh thì mọi chủ thể đều có ý thức tự giác chấp hành pháp luật. Mỗi người dân cần xác định rõ trách nhiệm của mình, để từng bước hình thành và xây dựng nếp sống tự giác chấp hành pháp luật, coi đó là tiêu chí của lối sống văn hóa từ trong chính gia đình, làng xóm, tổ dân phố, khu dân cư, nơi làm việc của mình nhằm xây dựng một xã hội ngày càng tốt hơn theo quy định của pháp luật.

Để việc chấp hành luật trở thành ý thức tự giác chung của phần lớn nhân dân trong xã hội, thì sự gương mẫu chấp hành của những người có thẩm quyền của nhà nước, sự công bằng và minh bạch trong thi hành pháp luật, có sự hỗ trợ và kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đoàn thể, khu dân phố,... và có sự tham gia của cả cộng đồng xã hội là vô cùng cần thiết, giúp cho công tác QLNN về PBGDPL được thuận lợi, đạt hiệu quả.

Ngược lại, trong xã hội mà còn nhiều tệ nạn, thiếu công bằng, dân chủ, thông tin nghèo nàn, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp,... thì sẽ gây khó khăn cho công tác QLNN về PBGDPL vì các công dân không dám bày tỏ những suy nghĩ thật của mình, không dám đòi hỏi công lý do tâm lý lo lắng, e ngại.

Tiểu kết chương 1

QLNN về PBGDPL là một trong những lĩnh vực trọng tâm trong QLNN của các cơ quan hành chính các cấp nói chung và của UBND tỉnh nói riêng. Công tác PBGDPL là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước

pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác PBGDPL, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. PBGDPL là một hoạt động cơ bản, là khâu đầu tiên trong quá trình đưa pháp luật đi vào cuộc sống, nâng cao hiệu lực và hiệu quả QLNN, quản lý xã hội.

QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL có thể được hiểu như sau: *QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL là hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được tiến hành trên cơ sở và để thi hành luật tác động tới công tác PBGDPL nhằm giáo dục ý tôn trọng pháp luật cho mọi người trong xã hội.*

Việc QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL là rất cần thiết vì lần đầu tiên nội dung QLNN về PBGDPL được ghi nhận bằng một điều luật cụ thể quy định: hoạt động xây dựng, ban hành văn bản; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác PBGDPL; xây dựng dữ liệu cơ sở quốc gia về pháp luật; thống kê tổng kết; quản lý thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế về PBGDPL.

QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó tác động mạnh nhất là các yếu tố liên quan đến thể chế, tổ chức, nguồn lực và mức độ hiểu biết và đồng thuận của xã hội.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TẠI TỈNH TIỀN GIANG

2.1. Đặc điểm địa lý - dân cư, tình hình kinh tế - xã hội tại tỉnh Tiền Giang tác động đến quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

2.1.1. *Khái quát về đặc điểm địa lý - dân cư, tình hình kinh tế - xã hội tại tỉnh Tiền Giang*

Tiền Giang là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 2.481,77 km², dân số 1,8 triệu người, chủ yếu là dân tộc kinh. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã và 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã. Địa bàn tỉnh có 32 km bờ biển và hệ thống các sông Tiền, Sông Vàm Cỏ Tây, sông Xoài Rạp, kênh Chợ Gạo...Tiền Giang cách thành phố Hồ Chí Minh 70 km về phía Nam, là cửa ngõ giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây. Trong quá trình công nghiệp hoá, Tiền Giang đã hình thành các khu công nghiệp như: Mỹ Tho, Tân Hương, Long Giang và Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp. Với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tổng thu ngân sách hàng năm của tỉnh đạt khoảng 4000 tỷ đồng.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển, nhiều vấn đề cũng đặt ra đòi hỏi tỉnh cần giải quyết như: Đa số người dân sống bằng nghề nông nghiệp và nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản nên nhìn chung trình độ dân trí và hiểu biết pháp luật của người dân còn nhiều hạn chế. Trong quá trình thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, đã xuất hiện nhiều trường hợp bị lôi kéo, kích động khiếu kiện vượt cấp, kéo dài gây mất an ninh trật tự, với hàng trăm nghìn lao động từ các địa phương khác về làm ăn, sinh sống trong các khu công nghiệp, đánh bắt thủy sản ở khu vực Biển, đặt ra vấn đề quản lý cho chính quyền địa phương.

2.1.2. Tình hình thực hiện pháp luật và hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang

Trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, năm 2015, tội phạm xâm phạm trật tự xã hội: xảy ra 662 vụ giảm 0,7% cùng kỳ năm 2014, trong đó: Trọng án 28/26 vụ tăng 7,6%, thường án 634/641 vụ (giảm 1,1% so cùng kỳ năm 2014); một số loại tội phạm được kiểm giảm như: cố ý gây thương tích 56%, giao cấu với trẻ em giảm 52,6%, bắt xử 515 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá khoảng 2,7 tỷ đồng. Công tác phòng chống tội phạm kinh tế, tham nhũng, ma túy, môi trường đã phát hiện xử lý 12 vụ, 08 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế, xử lý 176 vụ vận chuyển, mua bán, tàng trữ hàng cấm kinh doanh, thu giữ hàng hóa trị giá 2,4 tỷ đồng; phát hiện 40 vụ phạm tội về ma túy (40/75 vụ so cùng kỳ năm 2014), bắt xử lý 51 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy; phát hiện xử lý 92 vụ vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường (giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2014), phạt tiền 450 triệu đồng [38, tr. 4-5].

Thời gian qua, tình hình tội phạm tuy có giảm nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, độ tuổi phạm tội ngày càng trẻ hóa, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi gây hoang mang trong Nhân dân.

Những khó khăn trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu là do các đối tượng thiếu hiểu biết, bất chấp pháp luật. Bên cạnh đó, công tác QLNN còn bộc lộ nhiều khó khăn, hạn chế. Ý thức pháp luật của các chủ thể tham gia vào hoạt động PBGDPL còn hạn chế, dửng dưng trách nhiệm, công tác thực thi pháp luật của các cơ quan bảo vệ pháp luật đôi lúc chưa nghiêm. Do đó nếu ý thức pháp luật của các chủ thể (kể cả chủ thể quản lý và chủ thể được PBGDPL) càng được nâng cao thì việc đảm bảo thực hiện pháp luật cũng được nâng cao, tình hình an ninh trật tự xã hội sẽ được ổn định, góp phần phát triển địa phương và đất nước.

Đồng thời, ý thức pháp luật còn thể hiện ở sự nhận thức của các chủ thể và thái độ của họ đối với các quy định của pháp luật. Do vậy ý thức pháp luật càng cao, mức độ hiểu biết pháp luật càng sâu thì tinh thần tôn trọng pháp luật, thái độ tự

giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật, thực hiện pháp luật càng được bảo đảm. Có thể nói, ý thức pháp luật của các đối tượng là một yếu tố có ý nghĩa rất lớn ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL. Nếu như các tổ chức, cá nhân nắm vững, hiểu rõ và chỉ làm những gì pháp luật không cấm, sẽ hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật. Từ đó, hiệu lực, hiệu quả QLNN sẽ được nâng cao. Khi công dân hiểu biết pháp luật thì sẽ tự bảo vệ tốt hơn quyền và nghĩa vụ của mình.

Để nâng cao ý thức pháp luật chỉ có thể thông qua tuyên truyền, giáo dục pháp luật một cách sâu rộng phù hợp với từng đối tượng bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: phát tờ rơi, đài truyền hình, truyền thanh, lồng ghép vào chương trình kế hoạch của các hội đoàn thể chính trị, xã hội. Đồng thời cần quan tâm nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, trong đó việc nâng cao đạo đức, ý thức trách nhiệm của cá nhân, tổ chức sẽ góp phần không nhỏ trong việc nâng cao ý thức pháp luật.

Trong thời gian qua, công tác PBGDPL luôn được sự quan tâm, phối hợp của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự chỉ đạo của các cấp uỷ và chính quyền thể hiện qua việc ban hành các văn bản chỉ đạo công tác PBGDPL như: Tỉnh uỷ đã ban hành Thông tri 18-TT/TU ngày 08 tháng 01 năm 2014 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, Nhân dân”; Chỉ thị 06-CT/TU ngày 01 tháng 11 năm 2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp; Công văn số 1985-CV/TU ngày 06 tháng 01 năm 2014 về việc tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương trên địa bàn tỉnh. Ở địa phương xác định PBGDPL cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt công tác này là góp phần tạo sự chuyển biến tích cực về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của người dân. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện có nhiều đổi mới theo hướng tích cực và cụ thể hơn, từ đó đã góp phần giảm thiểu tình

hành vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, khiếu nại, tố cáo có xu hướng giảm nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, một số loại án nguy hiểm tăng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng vi phạm pháp luật, nhưng nguyên nhân khá phổ biến là do người dân không biết luật hoặc biết pháp luật một cách rất qua loa. Vì vậy, trong thời gian tới đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường quản lý và thực hiện có hiệu quả công tác PBGDPL, nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

2.1.3. Vai trò quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật tại tỉnh Tiền Giang

Công tác PBGDPL đang ngày càng khẳng định vai trò là một bộ phận không thể tách rời của quá trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện pháp luật. Được coi là cầu nối đưa pháp luật vào cuộc sống, công tác PBGDPL còn góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đáp ứng đòi hỏi mọi công dân sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vì lẽ đó, những năm qua, Đảng và Nhà nước rất quan tâm, ban hành nhiều chính sách pháp luật quan trọng về PBGDPL.

PBGDPL góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN, quản lý xã hội. Vai trò này bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Một nguyên lý đã được khẳng định là nhà nước không thể tồn tại thiếu pháp luật và pháp luật không thể phát huy hiệu lực của mình nếu không có sức mạnh của bộ máy nhà nước. Thông qua quyền lực nhà nước, pháp luật mới có thể phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, phát huy vai trò quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần đem lại cho mọi người có trí thức pháp luật, xây dựng tình cảm pháp luật đúng đắn và có hành vi hợp pháp, biết sử dụng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Các cơ quan chuyên trách QLNN về PBGDPL được tổ chức từ Trung ương đến địa phương để thực hiện chức năng QLNN và thực hiện công tác PBGDPL. Theo quy định của Luật PBGDPL năm 2012 và Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật PBGDPL, bộ máy QLNN về PBGDPL được tổ chức gồm Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các cấp ở địa phương.

UBND là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách ở địa phương. Khoản 2 Điều 114 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao”* [25, tr. 76]. Khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở tỉnh: *“Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn tỉnh”* [28, tr. 20] và Khoản 6 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh: *“Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bảo trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”* [28, tr. 32].

Do đó, UBND tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chung có vai trò, trách nhiệm thực hiện QLNN về PBGDPL trong phạm vi toàn tỉnh. Để thực hiện vai trò của mình đối với công tác quản lý về PBGDPL tại địa phương, UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo việc tổ chức thực hiện văn bản QPPL về PBGDPL. Đồng thời định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác PBGDPL trên địa bàn. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện pháp luật về PBGDPL, UBND tỉnh cũng đã kịp thời kiến nghị cơ quan cấp trên hoặc Bộ Tư pháp các quy định về PBGDPL không khả thi, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không phù hợp với thực tiễn để cơ quan cấp trên, Bộ Tư pháp nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhằm đảm bảo tính thống nhất, khả thi và đồng bộ.

Tóm lại, UBND tỉnh là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, có thẩm quyền chung thực hiện nhiệm vụ QLNN và thực hiện công tác PBGDPL nhằm bảo

đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và Nghị quyết của HĐND cùng cấp; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; giữ vững kỷ luật, kỷ cương của pháp luật; đưa ra các chính sách, biện pháp QLNN, quản lý xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của QLNN góp phần phục vụ thiết thực cho công tác nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về PBGDPL.

2.2. Thực tiễn quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật

2.2.1. Hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Thực hiện nhiệm vụ QLNN về công tác PBGDPL ở địa phương theo quy định của Luật PBGDPL năm 2012. Ngay sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh nghiên cứu, xây dựng, ban hành các văn bản QPPL, chương trình, kế hoạch về công tác PBGDPL và trực tiếp triển khai thực hiện tại địa phương bám sát với yêu cầu của các văn bản QPPL, chương trình, kế hoạch,... của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các văn bản quy phạm ở cấp tỉnh chủ yếu ban hành trong lĩnh vực kinh phí đảm bảo cho công tác PBGDPL (Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Tiền Giang quy định nội dung chi, mức chi kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh).

Theo đó, UBND tỉnh thường xuyên ban hành các văn bản QPPL, chương trình, kế hoạch về PBGDPL để kịp thời tuyên truyền, phổ biến các văn bản QPPL mới được ban hành, phổ biến sâu rộng các văn bản đang có hiệu lực thi hành đến mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh, nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ các đơn vị lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh và góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, phòng ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật.

Triển khai thực hiện công tác PBGDPL một cách đồng bộ, thống nhất và thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở với nội dung, hình thức đa dạng, phù hợp với từng địa bàn, từng đối tượng; gắn công tác PBGDPL với việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương; phối hợp thực hiện giữa các chương trình, đề án PBGDPL nhằm tránh trùng lặp, lãng phí; coi trọng công tác phối hợp đa ngành trong công tác PBGDPL, kết hợp chặt chẽ giữa PBGDPL với tổ chức thực thi pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật; lồng ghép PBGDPL với phong trào vận động quần chúng nhân dân tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị và địa phương.

Việc thực hiện Luật PBGDPL, các Chương trình, đề án về PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm, chú trọng, bám sát nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của từng địa phương; từng bước gắn kết chặt chẽ hơn với công tác xây dựng, thực thi pháp luật, trong đó đã tập trung phổ biến mục tiêu, quan điểm, chính sách mới trong quá trình xây dựng luật gắn với những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận để tạo đồng thuận trong xã hội. Sau khi tổng kết chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012, UBND tỉnh hầu như không ban hành chương trình PBGDPL mà chỉ ban hành kế hoạch cụ thể thực hiện công tác PBGDPL hàng năm.

Tuy nhiên, hoạt động xây dựng, ban hành văn bản QPPL, chương trình, kế hoạch về công tác PBGDPL còn hạn chế, ít ban hành văn bản QPPL. Ngoài ra, một số chương trình, đề án về PBGDPL thiếu nguồn lực bảo đảm, nhất là tại các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; tình trạng trùng lặp, chồng chéo vẫn còn; chính sách xã hội hóa PBGDPL chưa được triển khai rộng rãi; chưa thu hút được nhiều nguồn lực tham gia hỗ trợ, tài trợ; công tác PBGDPL cho các đối tượng đặc thù chưa được quan tâm đúng mức nên có ảnh hưởng nhất định đến công tác PBGDPL ở địa phương.

Có thể nói, việc ban hành các văn bản pháp luật, kế hoạch về PBGDPL cơ bản đã hình thành những cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động PBGDPL,

là căn cứ cho việc chỉ đạo, triển khai hoạt động PBGDPL, đồng thời có sự tham gia, phối hợp của các cấp, các ngành. UBND tỉnh không những ban hành những văn bản mang tính khái quát, tạo cơ sở pháp lý, cơ chế cho việc thực hiện hoạt động PBGDPL mà còn ban hành những kế hoạch chuyên sâu về PBGDPL như: kế hoạch liên tịch giữa các ngành đã góp phần đưa công tác PBGDPL đi vào trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn cụ thể. Hoạt động này còn chịu tác động và điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật của các lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hoạt động xét xử của các cơ quan tư pháp, công tác xử lý vi phạm hành chính, hoà giải ở cơ sở, tư vấn pháp luật, ... không được đề cập trong nội dung luận văn này.

2.2.2. Hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL được UBND tỉnh quan tâm và thực hiện thường xuyên. Trong các văn bản QPPL, chương trình, kế hoạch của các địa phương hàng năm ban hành đều có nội dung chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể các sở, ngành, địa phương để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Đây là một nội dung quan trọng trong việc thực hiện hoạt động quản lý của UBND tỉnh. Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL ở địa phương. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tập trung vào các nội dung rà soát, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, cán bộ làm công tác PBGDPL, đa dạng hóa các hình thức PBGDPL, đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin,... Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực hiện công tác PBGDPL, tại cơ sở khi gặp những khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ đều được Sở Tư pháp, với nhiệm vụ là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh kịp thời.

Đồng thời, UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 27 của Luật PBGDPL và có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác PBGDPL theo trách nhiệm quản lý trên địa bàn và theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tư pháp về lĩnh vực PBGDPL; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp dưới trong việc tổ chức Ngày Pháp luật

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn; thực hiện việc thống kê, báo cáo về công tác PBGDPL; sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL tại địa phương; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động PBGDPL.

Hàng năm UBND tỉnh đều bố trí một nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước để chi cho hoạt động PBGDPL. Đội ngũ làm công tác PBGDPL được củng cố và kiện toàn kịp thời. Mô hình sinh hoạt “Ngày phổ biến văn bản pháp luật lồng ghép góp vốn xoay vòng” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang được Trung ương đánh giá cao và được nghiên cứu, đưa vào Luật PBGDPL hiện nay với tên gọi “Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay, các cách thức triển khai thực hiện về công tác PBGDPL ở một số sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương chậm được đổi mới, thiếu linh hoạt, ít sáng tạo; chưa khắc phục được tính hình thức trong hoạt động PBGDPL; hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, chưa gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng với thi hành và bảo vệ pháp luật; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL chưa được chú trọng đúng mức. Công tác phối hợp trong hoạt động PBGDPL hiệu quả chưa cao; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

2.2.3. Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong thời gian qua, công tác bồi dưỡng, kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL rất được quan tâm, chú trọng với nhiều hình thức phong phú. Đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật được củng cố, kiện toàn, được bồi dưỡng kiến thức, nâng cao kỹ năng PBGDPL và hoạt động ngày càng hiệu quả. Hàng năm, để nâng cao trình độ cho đội ngũ làm công tác PBGDPL, UBND tỉnh đều tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ, kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ làm công tác PBGDPL ở địa phương.

Có thể nói, công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật rất được quan tâm và thực hiện ngày càng tốt hơn. Việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL đã góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ làm công tác PBGDPL theo hướng từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp, chuyên môn pháp lý, trình độ lý luận chính trị, kỹ năng và nghiệp vụ PBGDPL, đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện công tác PBGDPL tại địa phương. Đồng thời đây là một nội dung quan trọng được quan tâm thực hiện và chiếm một phần kinh phí lớn trong việc tổ chức triển khai hoạt động PBGDPL hàng năm.

Từ những kết quả bước đầu của hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL của UBND tỉnh có thể khẳng định, Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được quán triệt một cách sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, quy định này đã từng bước đi vào cuộc sống, đã và đang phát huy hiệu quả trên thực tế. Công tác PBGDPL đã được người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể quan tâm chỉ đạo kịp thời hơn, xác định đây là một nội dung quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và cả hệ thống chính trị ở địa phương.

Việc Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng định kỳ kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PBGDPL cũng được các cấp, các ngành quan tâm hơn, góp phần nâng cao năng lực, trách nhiệm thực hiện và thi hành pháp luật, tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, hòa giải viên trên địa bàn tỉnh, từ đó hạn chế vi phạm pháp luật trong nhân dân cũng như giúp người dân biết tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia các quan hệ pháp luật, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, về thực tiễn thì cách thức triển khai công tác PBGDPL ở một số sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương chậm được đổi mới, chưa khắc phục được tính hình thức trong hoạt động PBGDPL.

2.2.4. Hoạt động xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

Ngày 27 tháng 8 năm 2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1605/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, trên cơ sở đó Bộ Tư pháp đã xây dựng và đưa Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật vào vận hành tại địa chỉ <http://vbpl.vn>. Bộ Tư pháp đã thí điểm việc tạo lập cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tại một số địa phương. Đến tháng 8/2014, đã có Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai và Điện Biên hoàn thành việc thu thập, cập nhật dữ liệu và đưa vào hoạt động chính thức Cơ sở dữ liệu các văn bản QPPL do HĐND và UBND cấp tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Theo đó, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là tập hợp các văn bản QPPL và văn bản hợp nhất văn bản QPPL dưới dạng văn bản điện tử do Chính phủ thống nhất quản lý, bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật Trung ương và Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật địa phương. Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được xây dựng thống nhất, dùng chung trên toàn quốc nhằm cung cấp chính xác, kịp thời văn bản phục vụ nhu cầu QLNN, phổ biến pháp luật, nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng và thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật gồm: văn bản QPPL do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành hoặc phối hợp ban hành và văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015; Văn bản hợp nhất văn bản QPPL.

Ở cấp tỉnh, thực hiện Nghị định 52/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh bảo đảm tính chính xác về nội dung và các thông tin có liên quan đến văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thuộc trách nhiệm cập nhật của mình. Bảo đảm an toàn tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được cấp. Có biện pháp xử lý đối với đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý khi có hành vi vi phạm trong việc cập nhật văn bản, bảo đảm an toàn, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản cho đơn vị thực hiện việc cập nhật văn bản để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc bảo đảm an toàn, chia sẻ, kết nối, tích hợp và trích xuất dữ liệu văn bản. Định kỳ tháng 12 hằng năm báo cáo về tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật gửi Bộ Tư pháp. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức tại địa phương cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản cho Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Nhìn chung, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được quan tâm đầu tư xây dựng và đã đi vào hoạt động cung cấp chính xác, kịp thời văn bản phục vụ nhu cầu QLNN, PBGDPL, nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng và thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.2.5. Hoạt động thống kê, tổng kết về phổ biến giáo dục pháp luật

Thông tư 04/2016/TT-BTP ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp thay thế Thông tư 20/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 12 năm 2013 là một bước phát triển mới trong công tác thống kê về tư pháp nói chung và thống kê trong lĩnh vực PBGDPL nói riêng. Việc ban hành Thông tư 04/2016/TT-BTP cho thấy chất lượng công tác thống kê từng bước được nâng cao và từng bước phù hợp với hệ thống chỉ tiêu quốc gia và bảo đảm gắn kết với chỉ số phát triển kinh tế, xã hội. Ngoài việc báo cáo thống kê các số liệu theo biểu mẫu được quy định, trong kế hoạch PBGDPL hàng năm của UBND tỉnh còn quy định các sở, ngành, đoàn thể, xây dựng kế hoạch PBGDPL trong ngành, đơn vị và tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh để tổng hợp báo cáo Bộ Tư pháp.

Hằng năm, UBND tỉnh đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác PBGDPL kết hợp với việc triển khai công tác PBGDPL của năm tiếp theo.

Như vậy, việc thực hiện chế độ báo cáo, thống kê, tổng kết về công tác PBGDPL ở địa phương được thực hiện kịp thời, đối với các cơ quan trong hệ thống Ngành Tư pháp. Qua hoạt động thống kê, tổng kết về PBGDPL giúp UBND tỉnh có cơ sở thực tiễn để tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá đầy đủ thực trạng công tác PBGDPL, thấy rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL, phát hiện, nhân rộng những hình thức, mô hình PBGDPL có hiệu quả, kịp thời kiến nghị, đề xuất, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2.2.6. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phổ biến, giáo dục pháp luật

2.2.6.1. Hoạt động thanh tra, kiểm tra

Trong những năm qua, công tác PBGDPL đã được Đảng, Nhà nước quan tâm tập trung lãnh đạo và xem đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật. Thanh tra Sở Tư pháp đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các kế hoạch đề ra, hàng năm thanh tra Sở đều xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và trình Giám đốc Sở Tư pháp phê duyệt. Hoạt động thanh tra chủ yếu diễn ra trong các lĩnh vực công chứng, chứng thực, hộ tịch. Có một ít trường hợp thực hiện việc thanh tra công tác tư pháp trong đó có lồng ghép công tác PBGDPL. “Năm 2015, thực hiện 12 cuộc thanh tra, kiểm tra chủ yếu về hành chính, công chứng, chứng thực, luật sư, tư vấn pháp luật” [19, tr. 4].

Trong kế hoạch công tác PBGDPL hàng năm, công tác kiểm tra được các địa phương quan tâm thực hiện và được đưa vào một nội dung trong kế hoạch. Hoạt động kiểm tra chuyên đề về PBGDPL là một hoạt động được tiến hành thường xuyên, khác với hoạt động thanh tra chuyên ngành do Thanh tra Sở Tư pháp thực hiện. Hội đồng PBGDPL tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra về công tác PBGDPL. Ở một số địa phương còn tổ chức tự kiểm tra, kiểm tra chéo giữa các đơn vị nhằm đánh giá thực chất công tác PBGDPL và tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở địa phương, cơ sở.

Trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, năm 2015, đã “*tổ chức kiểm tra công tác PBGDPL tại 36 xã thuộc 09 huyện trên địa bàn tỉnh và 04 đơn vị sở, ngành gồm: Sở Giao thông vận tải; Sở Y tế; Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội*” [20, tr. 11-12].

Có thể nói công tác kiểm tra về PBGDPL của UBND tỉnh được thực hiện thường xuyên và có nền nếp nhằm đánh giá công tác tổ chức thi hành Luật PBGDPL, các nội dung, hình thức PBGDPL, quy chế, kế hoạch cụ thể và kiểm tra, đôn đốc công tác PBGDPL tại cơ quan, đơn vị, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác để thực hiện có hiệu quả công tác PBGDPL. Ngoài các cuộc kiểm tra hàng năm, còn tiến hành các cuộc kiểm tra theo chuyên đề như: hòa giải ở cơ sở, hoạt động quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, các chương trình, Đề án về công tác PBGDPL. Qua kiểm tra đã giúp các sở, ngành, địa phương nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc triển khai công tác PBGDPL, phát hiện những nhân tố mới để phát huy và tập trung khắc phục những yếu kém, sai sót trong quá trình tuyên truyền, từng bước đưa công tác PBGDPL đi vào chiều sâu, chất lượng và hiệu quả.

2.2.6.2. Hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Thực hiện công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác PBGDPL, theo đó các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác này đã được UBND tỉnh giao cho Sở Tư pháp thực hiện một cách thường xuyên theo kế hoạch hoặc đột xuất. Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang không có xảy ra trường hợp khiếu nại, tố cáo về công tác PBGDPL và cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ở các địa phương cũng không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm về công tác PBGDPL được quy định trong Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ và cũng không có trường hợp nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan trực tiếp đến hoạt động PBGDPL.

Ngoài ra, cũng có một ít trường hợp báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên các cơ quan Báo, đài hay tuyên truyền, giải thích pháp luật còn sai và cán bộ, công chức, viên chức hay người dân phát hiện, thường thì họ trao đổi trực tiếp với báo cáo viên, tuyên truyền viên hay đơn vị chủ quản hoặc phản ánh về Sở Tư pháp. Xét về tình chất mức độ các hành vi chưa đến mức nghiêm trọng nên không có trường hợp nào bị xử phạt vi phạm hành chính hay xử lý kỷ luật. Cụ thể như: trong hoạt động tuyên truyền Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau khi Hiến pháp được ban hành đa số các cơ quan ở Trung ương như: Ban Tuyên giáo Trung ương, Giáo sư, Tiến sĩ Phan Trung Lý, Đinh Xuân Thảo...tuyên truyền *“Hiến pháp năm 2013 có 12 điều mới, giữ nguyên 7 điều và sửa đổi, bổ sung 101 điều”* [23, tr. 3] trong khi thực tế Hiến pháp năm 2013 chỉ giữ nguyên 02 điều và sửa đổi, bổ sung 106 điều.

2.2.7. Hoạt động hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật

Đối với chức năng nhiệm vụ được Luật PBGDPL quy định về thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về PBGDPL ở địa phương rất hạn chế. Hoạt động hợp tác quốc tế về PBGDPL là một khía cạnh trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia, tổ chức quốc tế. Hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật được thực hiện trên cả 03 bình diện toàn cầu, khu vực và song phương.

“Về đa phương: Việt Nam chủ động nghiên cứu, đề xuất gia nhập các tổ chức quốc tế như: Tổ chức quốc tế về phát triển luật (IDLO); tổ chức tư pháp pháp luật Á - Phi (AALCO); tổ chức nhất thể hoá pháp luật tư (UNIDROIT). Về hợp tác song phương: tăng cường, củng cố và mở rộng hợp tác với các nước: ký kết mới 10 biên bản ghi nhớ, thoả thuận hợp tác song phương; tiếp tục thực hiện trên 30 thoả thuận/kế hoạch hợp tác đã ký kết; nối lại, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa trước đây (như Nga, Séc, Slovakia)...” [6, tr. 24].

Đối với hoạt động hợp tác quốc tế về PBGDPL của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, UBND tỉnh chủ yếu là cơ quan thụ hưởng từ hoạt động hợp tác quốc tế qua các cơ quan ở Trung ương (Vụ hợp tác quốc tế - Bộ Tư pháp) thực hiện tại địa phương, việc UBND tỉnh trực tiếp hợp tác quốc tế trong hoạt động PBGDPL hầu

như không có. Việc hợp tác quốc tế đã hỗ trợ địa phương về kinh phí, kinh nghiệm thực hiện các cuộc tập huấn, hội nghị, hội thảo góp phần vào việc nâng cao các giải pháp thực hiện và chất lượng đội ngũ làm công tác PBGDPL. Thực tiễn, đối với hoạt động hợp tác quốc tế về PBGDPL của Trung ương thì có thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, đối với UBND tỉnh rất hạn chế, từ năm 2005 đến nay, tỉnh Tiền Giang chỉ nhận được một dự án hợp tác quốc tế thuộc VIE/02/015 về hỗ trợ thực thi chiến lược phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 *“trong 2 năm 2006 và 2007, với kinh phí gần 1,3 tỷ đồng, với các hoạt động hội thảo, tập huấn...”* [37, tr. 4].

2.3. Đánh giá chung về quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật

2.3.1. Ưu điểm và nguyên nhân

2.3.1.1. Ưu điểm

Có thể khẳng định một số ưu điểm cơ bản về hoạt động QLNN về PBGDPL trong giai đoạn hiện nay như sau:

Công tác QLNN về PBGDPL được triển khai bài bản, UBND tỉnh đã phát huy được vai trò của mình là cơ quan QLNN cao nhất ở địa phương, công tác quản lý được thể hiện bằng nhiều hoạt động cụ thể phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của địa phương. Công tác quản lý giúp hoạt động PBGDPL mang lại nhiều kết quả tích cực ngày càng phát huy hiệu quả trong việc gắn kết công tác xây dựng pháp luật với việc tổ chức thi hành pháp luật. Đồng thời, góp phần nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm trong tôn trọng, chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tạo thói quen tự giác học tập trong xã hội.

Công tác QLNN về PBGDPL ngày được chú trọng và tăng cường. Thể chế chính sách trong các lĩnh vực này đã được hoàn thiện với việc Quốc hội thông qua Luật PBGDPL và 6 văn bản quy định chi tiết thi hành đã tạo lập khuôn khổ pháp lý cho bước chuyển mới, căn bản trong công tác này. Điều kiện đảm bảo thực hiện công tác PBGDPL càng được quan tâm hơn.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu QLNN về PBGDPL được kiện toàn và hoạt động ngày càng hiệu quả. Hoàn thành việc kiện toàn Hội đồng 100% cấp huyện. Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được củng cố, kiện toàn, được bồi dưỡng kiến thức, nâng cao kỹ năng PBGDPL.

Hoạt động QLNN về PBGDPL được quan tâm, chú trọng và tăng cường hơn. Hầu hết các văn bản pháp luật mới được ban hành đều được quán triệt, phổ biến đến cán bộ, nhân dân bằng những hình thức thích hợp. Nội dung hình thức PBGDPL được đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả hơn. Công tác xã hội hóa hoạt động PBGDPL được quan tâm, thu được những kết quả bước đầu. Ngày pháp luật được triển khai bài bản và từng bước đi vào nề nếp.

Công tác PBGDPL đã thật sự trở thành nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; đã thu hút được sự tham gia, vào cuộc của các cấp, các ngành theo tinh thần xã hội hóa. Nội dung PBGDPL ngày càng bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, công tác xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật. Cùng với việc phổ biến các quy định của pháp luật, đã chú trọng hơn đến giáo dục ý thức pháp luật gắn với hành vi thực thi pháp luật. Việc PBGDPL đối với các Luật, Pháp lệnh được quan tâm ngay từ giai đoạn soạn thảo, lấy ý kiến; tập trung vào những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.3.1.2. Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan góp phần tạo nên những thành quả mà tỉnh Tiền Giang đã đạt được trong QLNN về PBGDPL. Trong đó có các nguyên nhân cơ bản như:

Thời gian qua, công tác PBGDPL luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật và được thể hiện qua việc Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng. Các văn kiện của tỉnh Đảng bộ hay của trung ương Đảng khoá VI, VII, VIII, IX, X, XI, đều xác định công tác PBGDPL là một công việc trọng tâm, thường xuyên của các cơ quan nhà

nước, của các cấp, các ngành và khẳng định vai trò, tầm quan trọng của công tác này trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thông tri 18-TT/TU của Tỉnh ủy Tiền Giang và Chỉ thị 06-CT/TU ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp đã tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL; xem công tác PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, UBND tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác PBGDPL như: kế hoạch, chương trình, đề án, Quyết định và các văn bản QPPL khác.

Với vai trò là thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL của tỉnh, Sở Tư pháp đã quan tâm, chỉ đạo để công tác PBGDPL được tổ chức triển khai kịp thời, phục vụ được yêu cầu chính trị của địa phương. Công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu, bám sát theo các nội dung của kế hoạch đề ra. Công tác PBGDPL đã được tập trung hướng mạnh về cơ sở thông qua việc lồng ghép công tác PBGDPL trong các cuộc họp chi bộ, các tổ vay vốn, tổ nhân dân tự quản, thông qua xét xử lưu động, tiếp xúc cử tri, các thiết chế văn hóa ở cơ sở, công tác hòa giải ở cơ sở. Đặc biệt là việc các ngành tập trung thực hiện các nhiệm vụ nhằm góp phần xây dựng nông thôn mới. Công tác PBGDPL không chỉ được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp chính quyền mà còn được sự quan tâm của các Cấp ủy đảng từ đó có sự lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện và được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Hạn chế

Việc xây dựng, ban hành kế hoạch PBGDPL, kế hoạch triển khai Chương trình, Đề án về PBGDPL ở địa phương còn chậm; tình trạng trùng lắp, chồng chéo vẫn còn; chính sách xã hội hóa PBGDPL chưa thu hút được nhiều nguồn lực tham gia hỗ trợ, tài trợ; công tác PBGDPL cho các đối tượng đặc thù hiệu quả chưa cao.

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong công tác PBGDPL theo Nghị định 110/2013/NĐ-CP của Chính phủ còn mâu thuẫn so với Luật cán bộ, công chức, Luật Viên chức nên khó triển khai thực hiện.

Công tác tuyên truyền, PBGDPL chưa được thực hiện đồng bộ, chưa thực sự đi vào chiều sâu và hướng mạnh về cơ sở. Nội dung PBGDPL còn dàn trải thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa sát với nhu cầu, chưa gắn với trách nhiệm học tập tìm hiểu pháp luật và hoạt động tập huấn nghiệp vụ của cán bộ, công chức. *“Việc tuyên truyền giải thích một số chính sách, quy định mới thiếu kịp thời (như chính sách hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần đối với người lao động quy định tại Điều 60 Luật bảo hiểm xã hội)”* [22, tr. 20].

Những chỉ đạo của UBND tỉnh chủ yếu thể hiện trong các công văn, kế hoạch nên giá trị pháp lý chưa cao, cần thiết phải ban hành các văn bản QPPL để quản lý, điều hành công tác PBGDPL.

Hình thức PBGDPL chậm được đổi mới, chưa khắc phục được tính hình thức trong hoạt động PBGDPL. Hiệu quả khai thác từ sách pháp luật chưa cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL chưa được chú trọng đúng mức.

Công tác phối hợp giữa các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL chưa đồng đều, đôi lúc vẫn mang tính hình thức, hoạt động chủ yếu tập trung ở cơ quan thường trực. Công tác phối hợp giữa các ngành còn chưa chặt chẽ, *“còn tình trạng coi công tác PBGDPL là nhiệm vụ riêng của Ngành Tư pháp, thiếu sự phối hợp triển khai, kiểm tra, đôn đốc hoạt động PBGDPL tại cơ quan, đơn vị, địa phương”* [31, tr. 2].

Một số thành viên chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm, chưa tích cực tham gia các hoạt động của Hội đồng. Chế độ báo cáo, thống kê đôi khi chưa bảo đảm tiến độ.

Việc kiểm tra đột xuất và tự kiểm tra để nắm bắt sát thực trạng PBGDPL chưa được các ngành, các cấp quan tâm đúng mức, công tác sơ kết, tổng kết còn sơ sài, thiếu thông tin hai chiều dẫn tới các giải pháp, biện pháp khắc phục chưa xác thực, khả thi.

Hợp tác quốc tế về PBGDPL còn hạn chế trong điều kiện cả nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế; văn bản pháp luật được ban hành ngày càng nhiều, với nội dung đa dạng, phức tạp và sửa đổi liên tục làm cho công tác PBGDPL cũng gặp một số khó khăn nhất định.

2.3.2.2. Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến những khó khăn, hạn chế của hoạt động QLNN của UBND tỉnh về công tác PBGDPL trong đó chủ yếu là:

Nguyên nhân chủ quan:

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên với cấp dưới còn chậm; chưa bố trí các điều kiện cả về nhân lực, tài chính cho công tác này. Cơ quan chủ trì một số Đề án về PBGDPL chưa chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện ở địa phương.

Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn thiên về nâng cao kiến thức pháp luật mà ít bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phương pháp cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

Nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác PBGDPL ở một số đơn vị, địa phương chưa đúng với yêu cầu và hiện nay chưa có một tiêu chí cụ thể đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động này nên đôi khi còn sự thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát.

“Một số chính sách, quy định mới chưa được sự đồng thuận cao từ xã hội trong thi hành như quy định tại Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014” [22, tr. 23]. Chưa thường xuyên nhân rộng các mô hình điểm, hình thức PBGDPL có hiệu quả.

Hội đồng phối hợp các cấp hoạt động theo cơ chế phối hợp, các thành viên kiêm nhiệm nhiều công việc; ít có thời gian tham gia hoạt động của Hội đồng. Phần lớn thành viên tham gia Hội đồng các cấp giữ vị trí lãnh đạo phải đảm trách nhiều công việc. Do đó, việc quan tâm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và phối hợp chưa thật đều.

Kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở những địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó

khăn, đây cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến hiệu quả công tác PBGDPL chưa cao. Năm 2015, kinh phí cho công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Tiền Giang được cấp là 1,3 tỷ đồng.

Nguyên nhân khách quan:

Hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, thiếu ổn định, số lượng văn bản QPPL cần phổ biến ngày càng nhiều, yêu cầu ngày càng cao trong khi đội ngũ làm công tác PBGDPL ở các địa phương chủ yếu là hoạt động kiêm nhiệm. Nhu cầu, kỳ vọng và đòi hỏi của xã hội, của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với công tác PBGDPL là rất lớn, trong khi đó, để làm tốt công tác này đòi hỏi phải kiên trì, thường xuyên, liên tục, vừa làm, vừa tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

Nguồn nhân lực PBGDPL còn nhiều hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ và đáp ứng được đòi hỏi mới của xã hội. “Nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL còn thiếu về số lượng, năng lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công việc; một số địa phương Phòng PBGDPL chỉ có 02 hoặc 03 công chức”. Tiền Giang có 04 công chức. Theo số liệu thống kê đến 31 tháng 12 năm 2015, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có 98 báo cáo viên pháp luật, trong đó có 48 người có trình độ chuyên môn Luật, 50 người có bằng đại học khác [29, mẫu 9d/BTP-PBGDPL].

Tác động của công tác PBGDPL đối với việc thi hành và chấp hành pháp luật của người dân còn hạn chế. Một bộ phận người dân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có thói quen tích cực, chủ động tự giác học tập, tìm hiểu, chấp hành pháp luật; việc xử lý vi phạm đôi khi chưa nghiêm nên chưa tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật.

Kinh tế của người dân còn gặp khó khăn, thu nhập thấp đã tác động đến việc bố trí kinh phí cho PBGDPL; PBGDPL là hoạt động không phát sinh lợi nhuận nên rất khó thu hút sự hỗ trợ, tài trợ của tổ chức, doanh nghiệp.

Thế chế phục vụ công tác hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật tuy đã được quan tâm hoàn thiện, xong còn chậm.

Đội ngũ làm công tác PBGDPL còn hạn chế về kỹ năng PBGDPL do công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL còn chung chung.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận văn đã đề cập một cách khái quát thực trạng QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL, những kết quả đạt được, những khó khăn, bất cập trong hoạt động QLNN về PBGDPL kể từ khi Luật PBGDPL năm 2012 được ban hành và có hiệu lực thi hành, đồng thời đã chỉ ra những ưu điểm và nguyên nhân; hạn chế và nguyên nhân, từ đó nêu lên được những thực trạng trong hoạt động QLNN về PBGDPL của UBND tỉnh.

Trước tiên, để đạt được những kết quả trong QLNN về công tác PBGDPL nêu trên, đó là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp của các cấp, các ngành trong việc thực hiện công tác PBGDPL. Hoạt động ban hành văn bản, chương trình, kế hoạch; Công tác chỉ đạo, hướng dẫn; Công tác kiểm tra được quan tâm, chú trọng và thực hiện có nền nếp từ đó kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để kịp thời khắc phục.

Hai là, những hạn chế trong QLNN về hoạt động PBGDPL, có nhiều hạn chế nhưng nổi bật là hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, thiếu ổn định, từ đó, văn bản ban hành một số quy định còn thiếu tính khả thi, bất cập, tản mạn, chưa thống nhất, do đó việc cụ thể hóa văn bản của cấp trên vào điều kiện thực tế của địa phương chưa cụ thể. Công tác QLNN về PBGDPL chưa được quan tâm đúng mức, theo đó, sự hướng dẫn, chỉ đạo đôi lúc chưa kịp thời. Việc xây dựng ban hành kế hoạch PBGDPL còn chậm. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ làm công tác PBGDPL thiên về nâng cao kiến thức pháp luật mà ít bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phương pháp cho đội ngũ làm công tác PBGDPL; thời gian ngắn, hiệu quả chưa cao. Việc cập nhật văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia còn chậm.

Ba là, hạn chế và nguyên nhân, có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến việc QLNN về công tác PBGDPL còn hạn chế, bất cập như: hệ thống văn bản pháp luật ban hành ngày càng nhiều, thường xuyên thay đổi, tình trạng trùng lặp, chồng chéo vẫn còn, trong khi chất lượng, đội ngũ làm công tác PBGDPL

có hạn từ đó dẫn đến hiệu quả chưa cao. Trong những năm qua, kinh tế đất nước và địa phương gặp khó khăn, nguồn thu thấp đã tác động đến việc bố trí kinh phí cho PBGDPL. Trong khi đó, PBGDPL là hoạt động không phát sinh lợi nhuận nên rất khó thu hút được sự hỗ trợ, tài trợ của tổ chức doanh nghiệp, từ đó dẫn đến việc bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác PBGDPL chưa thực sự đầy đủ và chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này nên thiếu sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên. Dựa trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, nguyên nhân, phân tích những hạn chế để tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, từ đó làm cơ sở để đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả QLNN trong công tác PBGDPL trong thời gian tới.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG

3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

3.1.1. Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật phải gắn liền với các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khác phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất ở địa phương, UBND tỉnh thực hiện chức năng QLNN đối với nhiều lĩnh vực như: kinh tế, chính trị, văn hóa, nông, lâm, ngư nghiệp... trong đó có hoạt động QLNN về PBGDPL. Các lĩnh vực quản lý có mối quan hệ hữu cơ với nhau, là điều kiện tiền đề để phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vì vậy hoạt động QLNN về PBGDPL phải gắn liền với các hoạt động quản lý khác và không tách rời nhiệm vụ chính trị của địa phương

3.1.2. Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật phải trên cơ sở các quan điểm của Đảng và Nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật

Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về hoạt động PBGDPL được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng tỉnh phù hợp với đặc điểm cụ thể của tỉnh. Công tác PBGDPL có vai trò rất quan trọng, là cầu nối để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với mọi tầng lớp người dân. Do đó, công tác này mang tính thường xuyên, liên tục đòi hỏi phải có sự nỗ lực, phối hợp của tất cả các cấp, các ngành.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công tác QLNN về PBGDPL, làm cho công tác này ngày càng hiệu quả hơn là góp phần thiết thực vào hình thành, củng cố và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam.

3.1.3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo môi trường thuận lợi để pháp luật đi vào cuộc sống

Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, minh bạch, ít lỗ hổng, không chồng chéo, mâu thuẫn sẽ tự mình có sức mạnh để đi vào cuộc sống, được xã hội chấp nhận, thừa nhận và tuân thủ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động PBGDPL, trong 70 năm qua, từ khi thành lập nước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến hoạt động PBGDPL, xem đây là một nhiệm vụ quan trọng trong QLNN và xã hội. Chúng ta đã có một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội. Pháp luật đã không ngừng được phát triển và hoàn thiện, thể chế hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào việc ổn định xã hội, tăng trưởng kinh tế và quan trọng nhất là tạo tiền đề cho việc xây dựng nhà nước quản lý bằng pháp luật. Tuy vậy, hệ thống pháp luật hiện hành còn nhiều hạn chế và chính sự hạn chế này làm giảm hiệu lực của pháp luật trong cuộc sống, ảnh hưởng đến khâu thực thi pháp luật. Các văn bản pháp luật đều có khiếm khuyết chung như: Thiếu cụ thể, rõ ràng; trùng lặp, chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn nhau; nhiều văn bản thiếu tính khả thi; tính ổn định của hệ thống quy phạm còn yếu. Đã vậy, trong một thời gian dài, công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL chưa được chú trọng, do đó, trong thực tế có tình trạng khó phân biệt văn bản nào còn hiệu lực, văn bản nào hết hiệu lực. Hệ thống pháp luật như vậy làm cho ngay cả những cán bộ, công chức có trách nhiệm thực thi pháp luật cũng gặp khó khăn. Do đó, một hệ thống pháp luật muốn phát huy tác dụng tốt trong cuộc sống, thì phải đảm bảo các yếu tố đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch theo đúng tinh thần của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

3.1.4. Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền được thông tin về pháp luật của công dân

Công dân có quyền được thông tin pháp luật và yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin về pháp luật, có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật. Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo đảm quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân thông qua công tác PBGDPL. Trong các quyền đó, quyền được thông tin đóng vai trò hết sức quan trọng, là phương tiện để công dân thực hiện các quyền khác của mình. Quyền được thông tin nói chung, quyền được thông tin về pháp luật nói riêng là một trong những quyền cơ bản của con người được đa số các quốc gia trên thế giới công nhận. Hiện nay ở nước ta, quyền này được ghi nhận trong Điều 25 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 và Điều 2 Luật PBGDPL. Đồng thời, Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác; Nhà nước tạo Điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo các nguồn lực cho công tác PBGDPL và tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong việc học tập, nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật.

Hoạt động PBGDPL mang một ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc, khác với các chế độ xã hội trong lịch sử, pháp luật ban hành dùng để làm công cụ để trị dân. Bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân,

do đó người dân có quyền hưởng thụ pháp luật, được tiếp cận pháp luật, được sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

3.1.5. Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật phải dựa trên cơ sở phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật

Việc QLNN về PBGDPL phải phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò trọng yếu. Khẳng định PBGDPL là trách nhiệm của Nhà nước. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong thực hiện, tổ chức thực hiện PBGDPL; đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên tham gia vào việc giám sát, thực hiện QLNN.

Để phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ làm công tác PBGDPL, báo cáo viên, tuyên truyền viên trong hệ thống chính trị, tạo bước phát triển mới trong công tác PBGDPL cần tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL chuyên nghiệp, có chất lượng, vững vàng về bản lĩnh chính trị-tư tưởng, am hiểu pháp luật có kỹ năng và chuyên môn, nghiệp vụ PBGDPL tốt. Củng cố, kiện toàn, tăng cường năng lực cho các tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc tham mưu giúp địa phương thực hiện công tác PBGDPL nhằm hỗ trợ tích cực nhu cầu tìm hiểu pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Bên cạnh đó, phải đặc biệt chú trọng việc rà soát, phân loại, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và định hướng nội dung PBGDPL thường xuyên cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

3.1.6. Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật phải dựa trên cơ sở trình độ dân trí

Dân trí là trình độ văn hóa chung của xã hội, hoặc đơn giản hơn là trình độ học vấn trung bình của người dân, là sự hiểu biết và là ý thức về quyền và trách nhiệm của người dân. Giá trị của dân trí còn nằm ở mức độ quan tâm của người dân trước các vấn đề xã hội, mức độ dân thân (muốn làm, dám làm, tiếp thu,...) và khả năng hành xử trách nhiệm dân chủ của mình một cách có hiệu quả, phù hợp với pháp luật.

Thông thường, người có “dân trí cao” thì có nhiều cơ hội, nhận thức và giải quyết vấn đề phù hợp với pháp luật với xã hội. Ngược lại, người có “dân trí thấp” được cho là nguyên nhân của nhiều vấn đề tiêu cực trong đời sống hiện nay của đất nước, trong đó có việc thực hiện pháp luật, cản trở, làm ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL. Vì dân trí thấp nên xã hội không thể đoàn kết, hợp lực để tạo nên những thành công lớn. Dân trí thấp thường dễ được xem là nguyên nhân của nhiều vấn đề, từ xã hội đến chính trị, kinh tế của các nước kém phát triển.

Tăng cường công tác PBGDPL không tách rời với việc nâng cao trình độ dân trí và cải thiện đời sống của nhân dân. Các cơ quan nhà nước cần tăng cường tổ chức thực hiện pháp luật, đặc biệt là áp dụng pháp luật một cách đúng đắn và nghiêm minh. Trình độ dân trí, ý thức tự giác tôn trọng và chấp hành pháp luật của các tổ chức và công dân ngày càng được nâng lên góp phần rất quan trọng vào việc giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh trong những năm qua.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang

3.2.1. Nhóm giải pháp chung nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

3.2.1.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong những năm qua, công tác PBGDPL rất được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, ngoài các văn bản của Đảng, hệ thống các quy định pháp luật hiện hành về lĩnh vực PBGDPL được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền từ Trung ương đến cơ sở rất nhiều, đặc biệt ngày 20 tháng 6 năm 2012 Quốc hội thông qua Luật PBGDPL nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về PBGDPL. Nhưng có thể nói, những quy định này còn mang tính chủ trương, định hướng, việc cụ thể hoá các quy định của Luật đến thực tiễn còn nhiều bất cập, hạn chế như đã phân tích trong phần thực trạng. Thời gian tới cần phải hoàn thiện hệ

thống văn bản pháp luật về công tác PBGDPL, trước mắt phải phù hợp với tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013, sửa đổi những quy định bất cập, mâu thuẫn, ban hành những quy định mới để tạo cơ sở pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả QLNN về PBGDPL, cụ thể như:

Một là, kiến nghị Quốc Hội sửa đổi, bổ sung Luật PBGDPL như sau:

+ Bổ sung một điều luật giải thích rõ từ ngữ về khái niệm PBGDPL để cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động PBGDPL biết được hoạt động PBGDPL là hoạt động nào. Trong đó đưa ra khái niệm PBGDPL như sau: PBGDPL được hiểu là hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng các hình thức thích hợp nhằm phục vụ cho mục đích nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật, từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được PBGDPL.

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Luật PBGDPL “Công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật” thành “**mọi người** có quyền được **tiếp cận** thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật”. Thay đổi từ công dân thành mọi người và bổ sung từ ngữ tiếp cận thông tin để phù hợp với tinh thần Hiến pháp năm 2013, đồng thời quyền tiếp cận thông tin là quyền chủ động của con người, khác với quyền được thông tin là quyền bị động.

+ Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 6 Luật PBGDPL quy định “Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương”. Trong đó có những nội dung không phù hợp và không khả thi đối với UBND cấp huyện và UBND cấp xã như: xây dựng và quản lý cơ dữ liệu quốc gia về pháp luật; hợp tác quốc tế về PBGDPL. Vì vậy, sửa đổi như sau: “UBND các cấp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 có trách nhiệm thực hiện QLNN về PBGDPL tại địa phương”.

+ Bổ sung Điều 10 của Luật PBGDPL nhằm tạo điều kiện và tăng cường quyền tham gia đóng góp của Nhân dân vào dự thảo các văn bản pháp luật. Có thể nói hiện nay, trong việc ban hành các văn bản QPPL, các cơ quan chủ trì soạn thảo

văn bản chủ yếu lấy ý kiến đối tượng tác động trực tiếp hoặc lấy ý kiến mang tính hình thức trên các trang thông tin điện tử. Đến khi văn bản được ban hành và có hiệu lực thì việc triển khai vướng mắc, không có sự đồng tình của người dân. Vì vậy, kiến nghị bổ sung tại Điều 10 của Luật PBGDPL về nội dung PBGDPL là các dự thảo văn bản QPPL để từ đó quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc PBGDPL, tăng cường sự tham gia, góp ý của Nhân dân vào các dự thảo văn bản QPPL. Vì khi vấn đề được đưa ra lấy ý kiến có sự đồng thuận của người dân thì tâm lý, tình cảm, ý thức về trách nhiệm và khả năng thực hiện các hành vi pháp lý của người dân đúng đắn, chính xác cao hơn.

+ Sửa đổi điểm c Khoản 2 Điều 35 Luật PBGDPL quy định về tiêu chuẩn báo cáo viên để nâng cao chất lượng và hiệu quả của báo cáo viên “có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm” Vì, quy định thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật là chưa rõ ràng, trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền như hiện nay, chủ trương mọi người đều sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Do đó, cần giải thích rõ nội hàm của khái niệm “thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật” và “công tác liên quan đến pháp luật” là gì để các địa phương dễ hiểu, dễ áp dụng khoản 2 Điều 35 Luật PBGDPL.

Hai là, kiến nghị Chính phủ: Sửa đổi điểm a khoản 1 điều 4 Nghị định 28/2013/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh, cấp huyện “Tổ chức thực hiện công tác PBGDPL theo trách nhiệm quản lý trên địa bàn và hướng dẫn của Bộ Tư pháp”. Do đó, nếu theo quy định trên thì UBND cấp huyện tổ chức thực hiện công tác PBGDPL theo trách nhiệm quản lý trên địa bàn và hướng dẫn của Bộ Tư pháp mà không theo hướng dẫn của UBND cấp tỉnh điều này không phù hợp với nguyên tắc phân cấp quản lý hành chính. Đề nghị sửa đổi, bổ sung “UBND cấp huyện có trách nhiệm thực hiện QLNN về PBGDPL và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL tại địa phương theo hướng dẫn của UBND cấp tỉnh”.

Ba là, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: Bổ sung một đoạn sau Khoản 2 Điều 1 Quyết định 27/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL cụ thể là: “Ngoài các thành phần theo quy định trên, tùy theo điều kiện thực tế tại địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định thêm thành phần là lãnh đạo các sở, ngành có liên quan trên cơ sở đề xuất của Sở Tư pháp”. Quy định này sẽ tạo ra các điều kiện để mở rộng thành phần Hội đồng PBGDPL của tỉnh phù hợp với đặc thù của địa phương hiện nay, như việc bổ sung thành viên là lãnh đạo Sở Ngoại vụ để tư vấn trong công tác PBGDPL cho người nước ngoài định cư tại tỉnh hay người của tỉnh chuẩn bị xuất cảnh.

3.2.1.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cần quán triệt Chỉ thị số 32/CT-TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL qua đó tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên về công tác PBGDPL. Tỉnh uỷ Tiền Giang ban hành chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh, trong đó chỉ đạo chính quyền địa phương tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, quan tâm, tạo điều kiện cho việc QLNN về PBGDPL ở địa phương. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động PBGDPL, kịp thời đôn đốc, chỉ đạo xử lý những vướng mắc nảy sinh trong quá trình PBGDPL.

3.2.1.3. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực của cơ quan, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật

Đây là một trong những giải pháp không thể thiếu được trong QLNN về PBGDPL, việc chuyển từ cơ chế công nhận báo cáo viên pháp luật như hiện nay sang hình thức thi tuyển để nâng cao chất lượng báo cáo viên. Trên thực tế theo tiêu chuẩn báo cáo viên pháp luật được quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật PBGDPL còn rất đơn giản, như “Có khả năng truyền đạt; Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có

bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm”. Đồng thời phải có cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút sự tham gia của những người có điều kiện tham gia công tác thi tuyển báo cáo viên pháp luật; địa vị pháp lý của báo cáo viên pháp luật cần được xác định là một chức danh cụ thể, khi tham gia thực hiện PBGDPL với tư cách cá nhân là một báo cáo viên mà không phải là một cán bộ công chức, viên chức được phân công thực hiện nhiệm vụ; Kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu ban hành Chương trình khung tập huấn công tác PBGDPL, thực hiện chuẩn hóa chương trình, tài liệu giảng dạy, quy định thời gian bồi dưỡng, tập huấn, kiểm tra, đánh giá kết quả, làm cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền vận dụng tổ chức hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL hàng năm cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát lại các Đề án về PBGDPL để khắc phục tình trạng trùng lặp về nội dung, đối tượng. Tập trung vào những nội dung cần ưu tiên để phân bổ kinh phí cho hợp lý.

Hoạt động PBGDPL là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, cần có sự phối hợp tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành. Công tác giáo dục pháp luật không chỉ góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi công dân mà còn hình thành nhân cách của con người. Do đó, đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải tham gia vào việc vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Ngành mình nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phổ biến, giáo dục pháp luật

3.2.2.1. củng cố, nâng cao nhận thức tư tưởng, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể các cấp đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và đầy đủ hơn nữa ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác PBGDPL. Trong thời gian qua, Tỉnh ủy Tiền Giang đã ban hành Thông tri

18-TT/TU ngày 08 tháng 01 năm 2004 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, Nhân dân”; Chỉ thị 06-CT/TU ngày 01 tháng 11 năm 2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp; Công văn số 1985-CV/TU ngày 06 tháng 01 năm 2014 về tăng cường thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư trung ương Đảng. Các cấp uỷ đảng cần xác định công tác PBGDPL đây là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng, là cơ sở quan trọng để giáo dục ý thức pháp luật cho toàn xã hội. Sự nhận thức của các cấp uỷ phải được thể hiện trước hết trong nhận thức, tư tưởng của các cấp uỷ, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của công tác PBGDPL trong đời sống chính trị - xã hội.

Để đạt được yêu cầu này, cần thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng: nước ta hiện nay do Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, mọi hoạt động của Nhà nước đều cụ thể từ chủ trương, đường lối của Đảng. Do đó trong công tác PBGDPL, công tác chỉ đạo của các cấp uỷ giữ vai trò rất quan trọng. Vì vậy, trong nhiệm kỳ, cấp uỷ phải có Nghị quyết lãnh đạo công tác PBGDPL trong đơn vị, địa phương. Đồng thời tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết. Cụ thể, trong nhiệm kỳ 05 năm, Tỉnh uỷ, các huyện uỷ và tương đương, các cấp uỷ ở cơ sở phải có Nghị quyết lãnh đạo công tác PBGDPL, Nghị quyết đề ra các chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu làm cơ sở để chính quyền, các đoàn thể cùng cấp triển khai thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh.

Thứ hai, đưa công tác PBGDPL vào nội dung chương trình sinh hoạt của Chi bộ để hiện thực hóa quan điểm “PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Quy định nội dung sinh hoạt chính trị tư tưởng các chi bộ phải dành thời gian ít nhất 15 đến 30 phút để sinh hoạt quán triệt các văn bản pháp luật mới ban hành.

Thứ ba, các ban Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan tư pháp đã nâng cao trách nhiệm, phát huy vai trò là cơ quan nòng cốt trong công tác tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền lãnh đạo có hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các cấp chính quyền trong công tác PBGDPL. Trong đó, nâng cao vai trò phối hợp liên ngành giữa cơ quan tư pháp và cơ quan Tuyên giáo trong việc xây dựng, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ làm công tác PBGDPL trong các tổ chức cơ sở Đảng làm cơ sở để tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong cán bộ, đảng viên.

3.2.2.2. Củng cố tổ chức và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước, tư vấn về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh

Xây dựng củng cố và không ngừng hoàn thiện hệ thống tổ chức làm công tác QLNN, tư vấn về PBGDPL đủ về số lượng và chất lượng, vừa giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, vừa vững vàng chính trị và nhiệt huyết với công việc. Công tác PBGDPL là việc truyền đạt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân, đồng thời vận động mọi người chấp hành tốt chủ trương, chính sách đó. Vì vậy, vai trò của đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL nói chung và cán bộ QLNN nói riêng không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà còn phải có lập trường, chính trị vững vàng, trong sáng về đạo đức, lối sống, biết vận dụng các chủ trương, quan điểm, chính sách để thuyết phục mọi người hiểu và chấp hành. Do đó, xuất phát từ thực tiễn hiện nay, cần tăng cường số lượng đội ngũ chuyên trách làm công tác tham mưu QLNN về PBGDPL trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với đề án vị trí việc làm vừa được thông qua. Cụ thể như:

- Về biên chế đội ngũ làm công tác tham mưu QLNN về PBGDPL, pháp chế ngành: Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung số lượng chuyên trách thực hiện công tác PBGDPL thuộc Phòng PBGDPL, Sở Tư pháp phù hợp với Đề án vị trí, việc làm của Sở là 05 biên chế. Bổ sung biên chế cán bộ Pháp chế tại các sở, ngành tỉnh theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và chủ

tịch UBND cấp huyện bổ sung biên chế cho các Phòng Tư pháp phù hợp với Đề án vị trí, việc làm của địa phương.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh có kế hoạch rà soát, đánh giá đội ngũ làm công tác tham mưu QLNN về PBGDPL, để thường xuyên cử đi bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, nhất là bồi dưỡng về lý luận chính trị để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được phân công.

- Về công tác tư vấn thực hiện PBGDPL: Kiến nghị sửa đổi Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL và Quyết định 1307/QĐ-HĐPH ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh nhằm: Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, theo đó: Thành lập 06 Tổ tư vấn PBGDPL cho các đối tượng gồm:

- + Tổ tư vấn thực hiện công tác PBGDPL cho Nhân dân, gồm đại diện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Thường trực HĐND, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Hội Nông dân, Hội Luật gia, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đài Phát Thanh - Truyền hình Báo Ấp Bắc, Sở Tư pháp, do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc làm tổ trưởng.

- + Tổ tư vấn thực hiện hoạt động PBGDPL cho cán bộ, công chức, gồm đại diện Sở Nội vụ, Ban Nội chính, Ban Tuyên giáo, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp do Sở Nội vụ làm tổ trưởng.

- + Tổ tư vấn thực hiện hoạt động PBGDPL cho cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, người lao động trong các doanh nghiệp, gồm đại diện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công thương, Liên đoàn lao động Việt Nam, Sở Tư pháp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm tổ trưởng.

- + Tổ tư vấn thực hiện hoạt động PBGDPL cho học sinh, sinh viên, gồm đại diện của Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp do Sở Giáo dục và Đào tạo làm tổ trưởng.

+ Tổ tư vấn thực hiện hoạt động PBGDPL cho lực lượng vũ trang, gồm Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng, Sở Tư pháp, do Công an tỉnh làm tổ trưởng.

3.2.2.3. Giải pháp về kinh phí

Kinh phí có vai trò rất quan trọng, quyết định hiệu quả của công tác PBGDPL, có thể thấy hiện nay, trong điều kiện hoạt động xã hội hóa chưa phát huy được hiệu quả thì hoạt động PBGDPL vẫn thực hiện chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước. Thực tế trong thời gian qua, mức kinh phí cho công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh có rất nhiều bất cập, có địa phương có đơn vị hành chính, dân số nhiều nhưng kinh phí dành cho công tác PBGDPL hàng năm chỉ bằng 1/10 địa phương có diện tích và dân số ít hơn. Vì vậy, UBND tỉnh cần quy định mức sàn kinh phí tối thiểu làm cơ sở để cấp huyện, cấp xã dự trù kinh phí hoạt động PBGDPL hàng năm. Theo đó, UBND tỉnh nên quy định kinh phí PBGDPL được chia thành thành theo thành 04 phần: một phần bắt buộc phải có từ ngân sách nhà nước để đáp ứng yêu cầu QLNN; một phần tùy thuộc vào nhiệm vụ chính trị của địa phương; một phần xã hội hóa do địa phương vận động; một phần do ngân sách cấp trên thực hiện ở địa phương.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của đề tài đề cập những quan điểm, giải pháp để nâng cao hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL. Đồng thời nêu lên một số quan điểm, kiến nghị, giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động QLNN về PBGDPL. Những hạn chế, bất cập này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm cả những nguyên nhân khách quan, cả những nguyên nhân chủ quan xuất hiện trong quá trình thực hiện hoạt động QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL. Nhìn chung hoạt động PBGDPL là lĩnh vực rất được quan tâm từ các cấp uỷ đến chính quyền, thể hiện qua các Nghị quyết Trung ương và được điều chỉnh bởi văn bản pháp luật có giá trị cao là Luật PBGDPL. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai thực hiện, từ những quy định của pháp luật đi đến thực tiễn còn không ít những bất cập, hạn chế và thiếu tính khả thi.

Trên cơ sở những lý luận cơ bản QLNN về PBGDPL, từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang, luận văn đã xác định các quan điểm và đề xuất các nhóm giải pháp chung và giải pháp riêng như: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL; Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực của cơ quan, cán bộ làm công tác QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL;... Trong các nhóm giải pháp đó, có những giải pháp mang tính lâu dài, giải quyết ở cấp vĩ mô, hoàn thiện thể chế, có những giải pháp cần phải giải quyết kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện. Nhằm làm cơ sở giúp các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, vận dụng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong QLNN về PBGDPL trên phạm vi toàn quốc nói chung, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang nói riêng. Đồng thời góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ và Nhân dân.

KẾT LUẬN

Qua 70 năm xây dựng và phát triển, công tác PBGDPL luôn được quan tâm, hoạt động PBGDPL thể hiện rõ bản chất của Nhà nước dân chủ trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đặc biệt là quyền được thông tin về pháp luật. QLNN về công tác PBGDPL là một vấn đề rất quan trọng và là một yêu cầu tất yếu khách quan trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Đây là hoạt động quản lý có tính chất thường xuyên, liên tục và tác động trực tiếp đến cán bộ, công chức, Người lao động và Nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín, hiệu lực, hiệu quả QLNN của các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về công tác PBGDPL là đòi hỏi tất yếu khách quan. Trên cơ sở những lý luận cơ bản về QLNN về PBGDPL, từ thực trạng pháp luật về quản lý PBGDPL và thực tiễn thi hành ở tỉnh Tiền Giang.

Luận văn đã nêu lên được một cách khái quát các vấn đề lý luận và pháp lý về công tác PBGDPL. Đồng thời phân tích làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm, vai trò QLNN của UBND tỉnh về công tác PBGDPL; phân tích bộ máy, nội dung trong QLNN về công tác PBGDPL ở địa phương của UBND tỉnh; làm rõ nội hàm và khả năng tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả QLNN của UBND tỉnh về PBGDPL. Từ đó thấy được vai trò và tầm quan trọng của hoạt động QLNN về công tác PBGDPL.

Luận văn cũng đã nêu lên thực trạng QLNN về PBGDPL và phân tích những kết quả đạt được. Tuy nhiên, thì những mặt tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập vẫn còn không ít - cả về mặt pháp lý lẫn thực tiễn, phần nào làm giảm sút hiệu lực, hiệu quả QLNN về công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Bên cạnh đó, tìm ra những nguyên nhân cả về chủ quan, lẫn khách quan dẫn đến những tồn tại hạn chế, bất cập trong QLNN về công tác PBGDPL.

Từ đó, nêu lên một số quan điểm, kiến nghị, giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động QLNN về công tác PBGDPL. Việc nghiên cứu về đề tài này vừa có tính lý luận và tính thực tiễn, vừa giải quyết những vấn đề

nội tại và định hướng giải pháp trong tương lai, để công tác QLNN về PBGDPL ngày càng nền nếp và thực hiện được tốt hơn. Nhìn chung hoạt động PBGDPL là lĩnh vực rất được quan tâm từ các cấp uỷ đến chính quyền, thể hiện qua các Nghị quyết Trung ương và được điều chỉnh bởi văn bản pháp luật có giá trị cao là Luật PBGDPL. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai thực hiện, từ những quy định của pháp luật đi đến thực tiễn còn không ít những bất cập, hạn chế và thiếu tính khả thi. Vì vậy, Luận văn đã đưa ra những kiến nghị bao gồm những kiến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo cơ sở cho hoạt động QLNN về công tác PBGDPL; các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực của cơ quan, cán bộ làm công tác PBGDPL, tăng cường sự hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp uỷ và chính quyền... Nhằm làm cơ sở giúp các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, vận dụng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong QLNN về công tác PBGDPL đồng thời góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ và Nhân dân.

Dưới sự giúp đỡ trực tiếp của Cô hướng dẫn, học viên thực hiện đề tài cũng đã rất cố gắng để đảm bảo tiến độ, chất lượng nội dung Luận văn theo yêu cầu. Tuy nhiên, trong giới hạn về nhận thức và điều kiện kinh nghiệm công tác thực tiễn, chắc chắn còn những mặt hạn chế nhất định. Học viên mong nhận được những nhận xét, góp ý để hoàn chỉnh hơn. Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2003), *Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”*, Hà Nội.
2. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 của Bộ chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*, Hà Nội.
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2014), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác tư pháp năm 2015*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2010), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật* đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp (2010), *Sổ tay nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2012), *Tìm hiểu Luật PBGDPL và Luật xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (2013), *Thông tư 21/2013/TT-BTP ngày 18/12/2013 của Bộ Tư pháp quy định về trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật, cho thôi làm tuyên truyền pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (2016), *Thông tư 04/2016/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của Ngành Tư pháp*, Hà Nội.
10. Các Mác - Ph Ăng ghen, *Toàn tập, Tập 23*, NXB sự thật Hà Nội.
11. Chính phủ (2013), *Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PBGDPL*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2013), *Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp*, Hà Nội.

13. Chính phủ (2014), *Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2015), *Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật*, Hà Nội.
15. Võ Thúy Hạnh (2012), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*, Luận văn thạc sĩ luật, Học viện Khoa học xã hội.
16. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2013), *Phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sĩ luật, Học viện Khoa học xã hội.
17. Hội đồng phối hợp PBGDPL Chính phủ (2012), *Thanh tra và pháp luật về thanh tra*, Đặc san tuyên truyền pháp luật, (số 06), tr-16.
18. Hội đồng phối hợp PBGDPL của Chính phủ (2012), *Chủ đề Luật PBGDPL*, Đặc san tuyên truyền pháp luật, (số 08).
19. Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Tiền Giang (2015), *Báo cáo công tác kiểm tra PBGDPL năm 2015*.
20. Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Tiền Giang (2015), *Báo cáo công tác PBGDPL năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ năm 2016*.
21. Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương (2015), *Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp năm 2014; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp công tác năm 2015*.
22. Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương (2016), *Báo cáo tổng kết công tác PBGDPL năm 2015, nhiệm kỳ 2011-2015; định hướng nhiệm kỳ 2016-2020 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2016*.
23. Phan Trung Lý, *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Hiến pháp dân chủ, pháp quyền và phát triển, tài liệu hội thảo về Hiến pháp*.
24. Nguyễn Tấn Phong (2015), *Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp về công tác phổ biến giáo dục pháp luật*, Luận văn thạc sĩ luật, Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB chính trị quốc gia – Sự Thật.
26. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*, NXB chính trị quốc gia – Sự Thật.
27. Quốc hội (2015), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015*, NXB chính trị quốc gia – Sự Thật.
28. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015*, NXB chính trị quốc gia – Sự Thật.
29. Sở Tư pháp Tiền Giang (2014), *Báo cáo số liệu báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn tỉnh, mẫu 09d/BTP-PBGDPL*.
30. Sở Tư pháp Tiền Giang, *Báo cáo công tác thanh tra năm 2015 và năm 2016*.
31. Sở Tư pháp TPHCM (2015), *Báo cáo những vướng mắc trong công tác PBGDPL và xã hội hoá công tác PBGDPL*.
32. Nguyễn Minh Thanh (2012), *Hoạt động phổ biến pháp luật trong cộng đồng dân cư từ thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ luật, Học viện Khoa học xã hội.
33. Thanh tra Chính phủ (2014), *Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2014; tình hình triển khai Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Luật tiếp công dân, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP của Chính phủ*.
34. Tỉnh ủy Tiền Giang (2014), *Thông tri 18-TT/TU ngày 08/01/2014 của Tỉnh ủy Tiền Giang về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, Nhân dân”*.
35. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
36. Trường cán bộ thanh tra (2013), *Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên*, NXB Lao động.

37. UBND tỉnh Tiền Giang (2007), *Báo cáo tổng kết chương trình PBGDPL giai đoạn 2003 - 2007*.
38. UBND tỉnh Tiền Giang (2015), *Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm, ma túy năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016*.
39. V.I. Lênin (1997), *Toàn tập, tập 36*, NXB Tiến Bộ, Hà Nội.
40. Nguyễn Tất Viễn (2006), *Nghịệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
41. Nguyễn Cửu Việt (2013), *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, NXB chính trị Quốc gia, Hà Nội.